

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 35/2011/QĐ-UBND

*Đắk Nông, ngày 28 tháng 12 năm 2011*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2012**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BTNMT-BTC ngày 08/01/2010 của liên Bộ: Tài nguyên và Môi trường - Tài chính hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành bảng giá đất và điều chỉnh bảng giá đất thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc thông qua bảng giá các loại đất năm 2012 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2012”.

**Điều 2.** Giá các loại đất tại Điều 1 Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để:

- Tính thuế sử dụng đất, thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất;
- Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ;

- Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất;

- Tính giá trị quyền sử dụng đất để xác định giá trị tài sản của Doanh nghiệp Nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hóa;

- Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất;

- Tính thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

- Tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về Đất đai mà gây thiệt hại cho Nhà nước.

Trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, thì mức giá khởi điểm do UBND tỉnh quy định riêng và không được thấp hơn mức giá quy định tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh; được niêm yết công khai tại trụ sở UBND các xã, phường, thị trấn trong tỉnh.

Quyết định này thay thế cho Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2011.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; các tổ chức chính trị xã hội và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Bón**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2012**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 28/12/2011  
Của UBND tỉnh Đắk Nông)*

**I. Giá đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản**

Đơn vị tính: đồng/m<sup>2</sup>

STT	Loại đất	Hạng 1	Hạng 2	Hạng 3	Hạng 4	Hạng 5	Hạng 6
1	Đất trồng cây hàng năm	-	12.000	10.000	5.000	4.000	2.500
2	Đất trồng lúa nước	-	18.000	15.000	7.500	6.000	3.500
3	Đất trồng cây lâu năm	19.000	17.000	14.000	10.000	6.000	-
4	Đất rừng sản xuất	9.000	7.000	5.000	3.000	1.000	-
5	Đất nuôi trồng thủy sản	-	12.000	10.000	5.000	4.000	2.500

Bảng giá đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản quy định trên được áp dụng cho các huyện và các xã thuộc thị xã Gia Nghĩa. Trừ đất nông nghiệp xen kẽ trong đô thị được quy định riêng dưới đây.

**II. Giá đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư các phường thuộc thị xã Gia Nghĩa**

Đơn vị tính: đồng/m<sup>2</sup>

STT	Tên Phường	Tổ dân phố	Đơn giá
1	Nghĩa Thành	1, 2, 3, 4, 5, 6, 10	25.000
	Nghĩa Tân	1, 2	
	Nghĩa Trung	2, 3	
	Nghĩa Đức	1, 2	
	Nghĩa Phú	5	
2	Nghĩa Thành	7, 8, 9	20.000
	Nghĩa Tân	3, 4, 6	
	Nghĩa Trung	1, 4, 5, 6	

STT	Tên Phường	Tổ dân phố	Đơn giá
	Nghĩa Đức	4	
	Nghĩa Phú	2, 3, 4, 6	
3	Các khu vực còn lại thuộc các phường		17.000

### III. Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp

Tính bằng 0,67 % so với giá đất quy định tại mục IV bảng giá này.

### IV. Giá đất ở:

#### 1. Thị xã Gia Nghĩa:

Đơn vị tính: Đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
1	Quốc lộ 14	Ranh giới huyện Đắk Song	Nguyễn Tất Thành (Giáp ranh phường Nghĩa Thành)	350.000
2	Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Nghĩa Thành	Phan Bội Châu (Cột mốc 842 QL14 – đường đi Lâm trường Nghĩa Tín)	750.000
		Phan Bội Châu (Cột mốc số 842 QL.14 - Đường đi Lâm trường Nghĩa Tín)	Hai Bà Trưng (QL 14 cũ)	1.050.000
		Hai Bà Trưng (QL 14 cũ)	Đường vào Bộ đội biên phòng	1.400.000
		Đường vào Bộ đội biên phòng	Lê Duẩn (ngã ba Sùng Đức – cột mốc 847:-100 mét)	1.700.000
		Lê Duẩn (ngã ba Sùng Đức – cột mốc 847:-100 mét)	Ngã ba vào trường dạy nghề	1.400.000
		Ngã ba vào trường dạy nghề	Hết địa phận Thị xã Gia Nghĩa	1.000.000
3	Hai Bà Trưng	Nguyễn Tất Thành	Võ Thị Sáu (thị đội)	1.500.000
		Võ Thị Sáu (thị đội)	Đường 23/3	1.800.000
4	Đường 23/ 3	Đường Nguyễn Tất Thành (đường vào Bộ đội biên phòng)	Hai Bà Trưng (ngã 4 Hồ Thiên Nga)	1.500.000
		Hai Bà Trưng (ngã 4 Hồ Thiên Nga)	Nguyễn Văn Trỗi (Lê Lợi cũ)	2.800.000
		Nguyễn Văn Trỗi (Lê Lợi cũ)	Trần Phú (Tinh lộ 4 cũ)	2.300.000
5	Lê Thị Hồng Gấm (23/3 cũ)	Đường 23/3	Ngã 3 Hùng Vương – Trần Phú (Ngã 3 QL.28 - Tinh lộ 4 cũ)	1.800.000
6	Tổng Duy Tân (Hùng Vương cũ)	Nguyễn Tất Thành (Quốc lộ 14 cũ)	Tôn Đức Thắng	1.500.000
7	Nguyễn Tri Phương (Hùng Vương cũ)	Chu Văn An	Đường 23/3	1.800.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
8	Ngô Mây	Lý Tự Trọng	Ngã 3 vào Thôn Nghĩa Bình	720.000
		Tổng Duy Tân	Ngã ba vào thôn Nghĩa Bình	1.000.000
9	Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	Đường 23/3	Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trung cũ)	3.200.000
10	Trương Định (Lý Thường Kiệt cũ)	Cổng Trại tạm giam Công an huyện (cũ)	Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	2.500.000
		Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	Hết Chợ Thị xã	3.800.000
		Lý Thường Kiệt cũ nối dài (Cuối chợ thị xã)	Vào hướng Chùa Pháp Hoa 50 mét	1.000.000
11	Đường đi sân bay (cũ)	Ngã 3 Chùa Pháp Hoa (đường Nguyễn Tri Phương - Hùng Vương cũ)	Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trung cũ Đi Sân bay cũ)	1.000.000
12	Lý Tự Trọng	Chu Văn An	Đào Duy Từ	750.000
13	Bà Triệu	Trương Định (Lý Thường Kiệt cũ)	Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trung cũ)	3.700.000
14	Đào Duy Từ	Tôn Đức Thắng	Ngô Mây	500.000
15	Phạm Ngọc Thạch	Đường 23/3 (Bến xe cũ)	Đường 23/3	850.000
16	Chu Văn An	Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	Tôn Đức Thắng (Hùng Vương cũ)	2.500.000
17	Võ Thị Sáu	Hai Bà Trung cũ	Hai Bà Trung (QL 14 cũ - Công Thị đội)	800.000
18	Đường quanh chợ	Trương Định (Lý Thường Kiệt cũ)	Bà Triệu	3.800.000
19	Nguyễn Viết Xuân (Đường tổ dân phố 3 cũ)	Hai Bà Trung cũ	Hai Bà Trung (Quốc lộ 14 cũ)	700.000
20	Nguyễn Văn Trỗi (Lê Lợi cũ)	Đường 23/3	Lê Lai	750.000
		Lê Lai	Lê Thánh Tông	1.200.000
21	Lê Lai	Đường 23/3 (Vào Tỉnh uỷ)	Ngã 3 Tỉnh uỷ	1.500.000
		Ngã 3 Tỉnh uỷ	Ngã 3 đường 23/3 (Sở Thông tin và Truyền thông)	1.200.000
22	Điện Biên Phủ	Đường Lê Thị Hồng Gấm (23/3 cũ)	Hết đường nhựa	800.000
		Hết đường nhựa	Cuối đường	600.000
23	Y Bih Alêô (N'Trang Long cũ)	Lê Thị Hồng Gấm (Đường 23/3 cũ)	Cổng Trường Nội trú N'Trang Long	800.000
		Cổng Trường Nội trú N'Trang Long	Lê Thánh Tông	300.000
24	Quang Trung	Hai Bà Trung (Quốc lộ 14 cũ)	Ngã 3 Công An huyện (cũ)	1.300.000
		Ngã 3 Công An huyện (cũ)	Ngã 3 đường cấp phối	1.000.000
		Ngã 3 đường cấp phối	Hết đường cấp phối đến đường nối hai trung tâm	750.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
25	Lê Duẩn (Đăm Bri cũ)	Nguyễn Tất Thành (Quốc lộ 14 - Ngã ba Sùng Đức)	Ngã tư Lê Duẩn (Văn phòng - Nhà điều hành dự án Thủy điện Đăk Tih)	1.000.000
		Ngã tư Lê Duẩn (Văn phòng - Nhà điều hành dự án Thủy điện Đăk Tih)	Ngã 3 Nông trường	550.000
		Ngã 3 Nông trường	Hết đường	350.000
26	Lê Thánh Tông	Đường 23/3	Ngã 3 Đồi Thủy lợi cũ	1.600.000
		Ngã 3 Đồi Thủy lợi cũ	Y Bí Alêô	1.300.000
27	Phạm Văn Đồng (Lê Thánh Tông cũ)	Y Bí Alêô	Đường dây 500 KV	1.100.000
		Đường dây 500 KV	Nghĩa địa	750.000
		Nghĩa địa	Ngã 3 (đường vào Thủy điện Đăk Nông)	400.000
28	Đường Nhựa (Lê Thánh Tông cũ)	Ngã 3 (đường vào Thủy điện Đăk Nông)	Thủy điện Đăk Nông	400.000
		Ngã 3 (đường vào Thủy điện Đăk Nông)	Cầu gậy (giáp ranh xã Đăk Nia)	400.000
29	Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Trỗi cũ)	Đường 23/3	Ngã 4, Tổ dân phố 1 (Tổ 1, Khối 5 cũ)	1.700.000
		Ngã 4, Tổ dân phố 1 (Tổ 1, Khối 5 cũ)	Ngã 3 khu nhà công vụ	1.500.000
		Ngã 3 khu nhà công vụ	Đường 23/3 (Trước Bưu điện tỉnh)	1.200.000
	Nguyễn Trãi (Đường đi Cầu Bà Thống cũ)	Nguyễn Văn Trỗi cũ - Ngã 3 nhà công vụ)	Cầu Bà Thống	1.000.000
30	Đường sau nhà Công vụ	Ngã 3 đường đi Cầu Bà Thống	Hết đường nhựa	500.000
		Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Trỗi cũ - Ngã 4 Tổ 1, Khối 5)	Vào 50 mét	550.000
		Hết đường nhựa	Đoạn đường đất còn lại	450.000
31	Đường bên hông nhà Công vụ	Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Trỗi cũ)	Đường sau nhà Công vụ	450.000
32	Đường vào Địa chất cũ	Tiếp giáp đường xuống Cầu Bà Thống	Vào 200 mét (vào trạm bơm)	400.000
33	Đường vào trường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường 23/3 (Gần đường Nguyễn Trãi)	Cổng trường Nguyễn Thị Minh Khai	750.000
34	Đường vào các tổ an ninh, tổ dân phố	Cầu Bà Thống	Rẽ phải đến giáp ranh khu TĐC đồi Đăk Nut	450.000
		Cầu Bà Thống	Đi thẳng đến Trụ sở Ban QLCA tỉnh Đăk Nông	500.000
35	Đường khu vực Tổ dân phố 1 (Tổ 1, Khối 5 cũ)	Đường 23/3	Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Trỗi cũ)	1.700.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
36	Mạc Thị Bưởi	Hai Bà Trưng (QL 14 cũ)	Hết hồ Thiên Nga (hồ vẹt cũ)	1.100.000
		Hết hồ Thiên Nga (hồ vẹt cũ)	Hết đường	900.000
37	Lê Hồng Phong (Đường vào mỏ đá 739 cũ)	Nguyễn Tất Thành (QL 14 cũ)	Hết địa phận Công an phường Nghĩa Phú	700.000
38	Đường trước Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	Hai Bà Trưng (QL 14 cũ)	Mạc Thị Bưởi	800.000
39	Trần Phú (Tinh lộ 4 cũ)	Km 0 (Đường 23/3)	Km 1	1.200.000
		Km 1	Km 2	900.000
		Km 2	Km 4	600.000
40	Tinh Lộ 4	Km 4 (tiếp giáp với đường Trần Phú)	Km 6	400.000
41	Phan Bội Châu (Đường liên thôn Nghĩa Tín cũ)	Ngã 3 Nguyễn Tất Thành (QL14 cũ)	Hết đường (1310m)	450.000
42	Đường vào Nghĩa Bình	Ngã 3 Phan Bội Châu (Ngã 3 Nghĩa Tín cũ)	Ngã 3 Nghĩa Bình	450.000
43	Đường vành đai Hồ Thôn Nghĩa Thành			450.000
44	An Dương Vương (Đường đi xã Đắc R'Moan)	Tiếp giáp Nguyễn Tất Thành (QL14 cũ)	Ngã ba đường mới đi vào xã Đắc R'Moan	300.000
		Ngã ba đường mới đi vào xã Đắc R'Moan	Ngã 3 đường vành đai	250.000
45	Hùng Vương (Quốc lộ 28 cũ)	Ngã 3 Trần Phú – Lê Thị Hồng Gấm (ngã 3 tinh lộ 4 cũ)	Hội trường Tổ dân phố 5	1.500.000
		Hội trường Tổ dân phố 5	Cầu lò gạch	1.000.000
46	Đường vào cổng Bệnh viện tỉnh	Đường Hùng Vương (QL 28 cũ)	Hết đường nhựa	700.000
47	Quốc Lộ 28	Cầu lò gạch	Cầu Đắc Ninh	500.000
		Cầu Đắc Ninh	Giáp ranh xã Quảng Khê (Cầu Đắc Đô)	300.000
48	Đường Lý Thái Tổ (đường D1 cũ)	Đường 23/3	Hết đường nhựa	1.700.000
49	Đường Ama Jhao (đường D2 cũ) + Đường Cao Thắng	Đường 23/3	Hết đường vòng nối với đường 23/3 (gần Sở Nội vụ)	1.600.000
50	Đường Điều Ong (đường trước Trung tâm Hội nghị tỉnh)	Đường 23/3	Phan Đăng Lưu (đường N1 cũ)	1.600.000
51	Trần Cao Vân (đường D4 cũ)	Lê Lai	Phan Đăng Lưu (đường N1 cũ)	1.500.000
52	Phan Đăng Lưu (Đường N1 cũ)	Ngã 3 Tỉnh ủy (đoạn giao đường Nguyễn Văn Trỗi và đường Lê Lai)	Ngã 3 Đường 23/3 (Sở Thông tin và Truyền thông)	1.600.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
53	Vũ Anh Ba (Đường N3 cũ)	Phan Đăng Lưu (đường N1 cũ)	Trần Cao Vân (đường D4 cũ)	1.400.000
54	Trần Hưng Đạo	Lê Duẩn	Ngã tư khu trung tâm hành chính thị xã	1.000.000
		Đường 23/3 (Sở Thông tin và Truyền thông)	Ngã 3 Tỉnh Ủy	1.600.000
55	Đường 3/2 (Đường vào Trung tâm hành chính thị xã)	Quang Trung	Ngã ba đường Nguyễn Trung Trực	1.000.000
56	Đường Nguyễn Trung Trực	Ngã ba đường 3/2 và Nguyễn Trung Trực	Ngã ba đường Trần Hưng Đạo (rẽ phải)	800.000
		Ngã ba đường 3/2 và Nguyễn Trung Trực	Ngã ba đường Trần Hưng Đạo (rẽ trái)	800.000
57	Đường Cao Bá Quát	Nguyễn Trung Trực	Trần Hưng Đạo	800.000
58	Võ Văn Tần	Nguyễn Trung Trực	Trần Hưng Đạo	800.000
59	Khu vực Tổ dân phố 1+3 Phường Nghĩa Trung	Trường Dân tộc Nội trú Nơ Trang Long (theo đường vào khách sạn Lost)	Đường Ybih AlêÔ	750.000
60	Đường vào Tổ dân phố 4, phường Nghĩa Tân	Nguyễn Tất Thành	hết đường nhựa	650.000
61	Đường vào khu vực nhà ở cán bộ, bộ đội biên phòng tỉnh (theo đường vào cổng Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh) Tổ 5, phường Nghĩa Phú	Nguyễn Tất Thành	hết đường nhựa	500.000
62	Phan Kế Bình	Lê Duẩn	hết đường Phan Kế Bình	1.000.000
63	Tô Hiến Thành	Trần Hưng Đạo	hết đường Tô Hiến Thành	1.000.000
64	Đình Tiên Hoàng	Lê Duẩn	Tô Hiến Thành	1.000.000
65	Lương Thế Vinh	Nguyễn Trãi	hết đường Lương Thế Vinh	1.200.000
<b>Khu đô thị mới Đắk Nĩa</b>				
66	Đường Tân Đà (trục N1 cũ)	Hàm Nghi (Trục D1)	Y Jút (Trục N3)	1.200.000
67	Đường Nguyễn Hữu Thọ (Trục N2)	Hàm Nghi (Trục D1)	Y Jút (Trục N3)	1.200.000
68	Đường Y Jút (trục N3)	Nguyễn Trường Tộ (Trục N22)	Tôn Thất Tùng (Trục N7)	1.100.000
69	Đường Kim Đồng (trục N5)	Hàm Nghi (Trục D1)	Tôn Thất Tùng (Trục N7)	1.200.000
		Tôn Thất Tùng (Trục N7)	Phan Đình Phùng (Trục N8)	1.000.000
70	Đường Nguyễn Thượng Hiền (trục N4)	Tôn Thất Tùng (Trục N7)	Trường Tiểu học Thăng Long	1.000.000
71	Đường Trần Khánh Dư (trục N10)	Tân Đà (Trục N1)	Giao của đường Y Jút – Tôn Thất Tùng (giao của trục N3, N7 cũ)	1.000.000
72	Đường Hoàng Hoa Thám (trục N11)	Tân Đà (Trục N1)	Y Jút (Trục N3)	1.000.000



TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
73	Đường Trần Đại Nghĩa (trục N12)	Tân Đà (Trục N1)	Nguyễn Thượng Hiền (Trục N4)	900.000
74	Đường Trần Nhật Duật (trục N15)	Kim Đồng (Trục N5)	Đường Phan Đình Phùng (Trục N8)	1.000.000
75	Đường Hoàng Diệu (trục N16)	Y Jút (Trục N3)	Nguyễn Trường Tộ (Trục N22)	1.000.000
76	Đường Hàm Nghi (trục D1)	Hùng Vương (Quốc lộ 28)	Tôn Thất Tùng (Trục N7)	1.200.000
77	Đường Nguyễn Trường Tộ (Trục N22)	Y Jút (Trục N3)	Giao giữa Nguyễn Thượng Hiền và Hoàng Diệu (giao Trục N4 và N16 cũ)	1.000.000
78	Đường Nguyễn Đức Cảnh (Trục N6)	Hàm Nghi (Trục D1)	Tôn Thất Tùng (Trục N7)	1.200.000
		Tôn Thất Tùng (Trục N7)	Y Ngông Niê K'Đăm (Trục N9)	1.200.000
79	Đường Tôn Thất Tùng (Trục N7)	Hùng Vương (Quốc lộ 28)	Giao giữa Phan Đình Phùng và Trần Khánh Dư (giao trục N8 và N10 cũ)	1.200.000
80	Đường Phan Đình Phùng (Trục N8)	Giao giữa Tôn Thất Tùng và Hoàng Diệu (giao Trục N7 trục N16 cũ)	Y Ngông Niê K'Đăm (Trục N9)	1.200.000
81	Đường Y Ngông Niê K'Đăm (Trục N9)	Hùng Vương (Quốc lộ 28)	Đường Phan Đình Phùng (Trục N8)	1.200.000
82	Đường Trục N17	Đường Kim Đồng (Trục N5 cũ)	Đường Trần Khánh Dư (Trục N10 cũ)	1.200.000
83	Đường Phan Đình Giót (Trục N18)	Hoàng Diệu (Trục N16)	Hoàng Văn Thụ (Trục N14)	1.000.000
84	Đường Hoàng Văn Thụ (Trục N14)	Phan Đình Giót (Trục N18)	Y Ngông Niê K'Đăm (Trục N9)	1.000.000
85	Đường Y Nuê (Ái Phương) (trục N13)	Hoàng Văn Thụ (Trục N14)	Y Ngông Niê K'Đăm (Trục N9)	1.000.000
86	Đường Ngô Thì Nhậm (Trục N19)	Ngô Tất Tố (Trục N23)	Y Ngông Niê K'Đăm (Trục N9)	1.000.000
87	Đường Trục N21	Ngô Thì Nhậm (Trục N19)	Phan Đình Phùng (Trục N8)	1.000.000
88	Đường Ngô Tất Tố (Trục N23)	Ngô Thì Nhậm (Trục N19)	Y Ngông Niê K'Đăm (Trục N9)	1.000.000
89	Đường Tôn Đức Thắng (Trục Bắc – Nam và một đoạn Hai Bà Trưng cũ)	Đường Nguyễn Tất Thành (Quốc Lộ 14 - Hồ Đại La)	Đường đất (Nhà hàng Dốc Vông)	1.350.000
		Đường đất (Nhà hàng Dốc Vông)	Ngô Mây	1.600.000
		Ngô Mây	Hết đường Bắc Nam đã xây dựng năm 2009	2.100.000
		Hết đường Bắc Nam đã xây dựng năm 2009	Đường ngã 3 đường Chu Văn An	2.000.000
	(Hai Bà Trưng cũ)	Võ Thị Sáu	Nguyễn Viết Xuân (đường tổ dân phố 3)	2.100.000
		Nguyễn Viết Xuân (đường tổ dân phố 3)	Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	2.100.000
		Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	Đường 23/3	2.500.000
		Đường Lên Sân bay	Võ Thị Sáu	2.100.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
90	Trục đường N6	Đường Nguyễn Trãi (Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh)	Đường vào Sở Giáo dục và Đào Tạo	1.400.000
91	Đường vào Công ty Gia Nghĩa	Đường đất (giáp Bưu điện tỉnh đang xây)	Qua Công ty Gia Nghĩa thông ra đường 23/3	650.000
92	Đường nhựa	Chu Văn An	Lý Tự Trọng	750.000
	Các khu vực còn lại của các phường			
	Đất ở ven các đường nhựa còn lại			350.000
	Đất ở ven các đường đất còn lại thông hai đầu			250.000
	Đất ở ven các đường đất còn lại (đường cụt)			200.000
93	Các khu vực còn lại thuộc các xã			
	Đất ở ven các đường nhựa liên phường (giáp ranh phường)			250.000
	Đất ở ven các đường nhựa liên thôn, liên xã			200.000
	Đất ở ven các đường đất còn lại thông hai đầu			150.000
	Đất ở ven các đường đất còn lại (đường cụt)			100.000

## 2. Huyện Cư Jút

Đơn vị tính: Đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
<b>I</b>	<b>TT EaTling</b>			
1	Đường Nguyễn Tất Thành			
a	Về phía Đăk Nông	Cửa hàng xe máy Bảo Long	Ngã 5 đường Ngô Quyền	1.800.000
b	Về phía Đăk Lăk	Cửa hàng xe máy Bảo Long	Hết cửa hàng xe máy Lai Hương	2.500.000
		Hết cửa hàng xe máy Lai Hương	Hết cửa hàng xe máy Gia Vạn Lợi	2.000.000
		Hết cửa hàng xe máy Gia Vạn Lợi	Giáp ranh xã Tâm Thắng	1.500.000
2	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã 5 đường Ngô Quyền	Cổng nhà ông Trị (Km0 + 110m)	1.800.000
		Cổng nhà ông Trị (Km0 + 110m)	Cổng phụ vào Nhà máy điều	1.400.000
		Cổng phụ vào Nhà máy điều	Ngã 3 đường vào Sao ngàn phương	1.000.000
		Ngã 3 đường vào Sao ngàn phương	Hết ranh giới Thị trấn (giáp Trúc Sơn)	450.000
3	Đường Hùng Vương (đường đi Krông Nô)	Ngã 5 đường Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường Bà Triệu (Cổng thôn Văn hoá khối 4)	1.600.000
		Ngã ba đường Bà Triệu (Cổng thôn Văn hoá khối 4)	Ngã ba đường Nguyễn Du (vào Thác Trinh Nữ)	1.100.000
		Ngã ba đường Nguyễn Du (Vào Thác Trinh Nữ)	Cổng vào bãi cát	600.000
		Cổng vào bãi cát	Hết ranh giới Thị trấn	300.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
4	Đường Nguyễn Du (vào thác Trinh Nữ)	Km 0 (ngã 3 đường Hùng Vương)	Km 0 + 800m	500.000
		Km 0 + 800m	Công thác Trinh Nữ	300.000
5	Đường sinh thái	Từ ngã 3 đường Nguyễn Du	Giáp ranh xã Tâm Thắng	300.000
6	Đường Hai Bà Trưng (vào khối 6)	Ngã 5 đầu đường Hai Bà Trưng	Ngã ba khu tập thể huyện (Công nhà ông Hưng)	650.000
		Ngã ba khu tập thể huyện (Công nhà ông Hưng)	Ngã ba nhà ông Xế	450.000
		Ngã ba nhà ông Xế	Ngã ba đường Nguyễn Du (vào thác Trinh Nữ)	350.000
7	Đường vào khối 7	Km 0 QL 14 (ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành)	Km 0 +130m	650.000
		Km 0 +130m	Hết nhà thờ từ đường họ Phạm	400.000
		Hết nhà thờ từ đường họ Phạm	Hết công ngã 5 nhà ông Tòng	300.000
		Hết công ngã 5 nhà ông Tòng	Ngã ba đường sinh thái	250.000
8	Đường Nguyễn Văn Linh (đường đi Nam Dong)	Km 0 QL 14 (ngã 4 Nguyễn Tất Thành)	Ngã 3 đường Lê Lợi	1.800.000
		Ngã 3 đường Lê Lợi	Hết trường tiểu học Trần Phú	1.200.000
		Hết trường tiểu học Trần Phú	Ngã 4 đường Phan Chu Trinh	800.000
9	Đường Phan Chu Trinh (đường Tân Hải)	Km 0 QL 14 (Ngã tư Nguyễn Tất Thành)	Công trường PTTH Phan Chu Trinh	600.000
10	Đường Phạm Văn Đồng (Khu phố chợ)	Km 0 QL 14 (Ngã 4 Nguyễn Tất Thành)	Hết khu phố chợ (Ngã ba đường sau chợ)	1.800.000
		Hết khu phố chợ (ngã 3 đường sau chợ)	Ngã 3 dốc đá	1.000.000
		Ngã 3 dốc đá	Cổng ngã 5 nhà ông Tòng	400.000
		Ngã 3 dốc đá	Ngã ba nhà ông Chế	350.000
		Ngã 3 nhà ông Chế	Cổng ngã 5 nhà ông Tòng	300.000
11	Đường vào bến xe huyện	Km 0 QL14 (Ngã ba Nguyễn Tất Thành)	Hết khu phố chợ (Ngã ba đường sau chợ)	1.500.000
12	Đường phía sau chợ huyện	Giáp đường vào bến xe	Ngã ba đường Phạm Văn Đồng	1.200.000
13	Đường nhà ông Khoa	Từ công văn hoá khối 7	Ngã ba đường vào khối 7	600.000
14	Đường Ngô Quyền (Vào Trung tâm Chính trị)	Km0 Ngã 5 Nguyễn Tất Thành	Ngã tư đường Y Nông-Lê Quý Đôn	1.200.000
		Ngã tư đường Y Nông-Lê Quý Đôn	Ngã ba đường Lê Hồng Phong	700.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
15	Đường Lê Lợi (Đường Lê Lợi)	Km0 Ngã 3 đường Nguyễn Văn Linh	Ngã ba đường Nơ Trang Gur	400.000
		Ngã ba đường Nơ Trang Gur	Ngã ba (Bảng quy hoạch)	300.000
16	Đường Lê Hồng Phong (Đường vành đai)	Ngã ba (Bảng quy hoạch)	Ngã ba đường vào Sao Ngàn phương	300.000
17	Đường vào Sao ngàn phương	Ngã ba đường Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường Lê Hồng Phong	300.000
18	Đường vào nhà máy điều	Km 0 Ngã ba đường Trần Hưng Đạo	Nhà máy điều (Cổng chính)	300.000
		Km 0 Ngã ba đường Trần Hưng Đạo	Nhà máy điều (Cổng phụ)	200.000
19	Đường Lê Quý Đôn (Tuyến 2 Bon U2)	Ngã ba đường Nguyễn Đình Chiểu (Chùa Huệ Đức)	Ngã tư giáp đường Y Ngông	600.000
20	Đường Y Ngông (Tuyến 2 Bon U2)	Ngã tư giáp đường Lê Quý Đôn	Ngã ba đường Nơ Trang Gur	600.000
21	Đường Nơ Trang Gur (Tuyến 2 bon U2)	Ngã ba đường Y Ngông	Ngã ba đường Lê Lợi	400.000
22	Đường Nơ Trang Long (Tuyến 2 Bon U1)	Km 0 QL 14 (Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành)	Ngã ba nhà ông Quốc	1.000.000
		Ngã ba nhà ông Quốc	Hết trường Mẫu giáo EaTling	700.000
		Hết trường Mẫu giáo EaTling	Ngã ba đường Quang Trung	500.000
		Ngã ba đường Quang Trung	Ngã ba Phan Chu Trinh	400.000
23	Đường Bà Triệu (Đường vào khối 4)	Km 0 Ngã ba đường Hùng Vương	Km 0 + 150m (Ngã ba đường Trần Hưng Đạo)	400.000
		Km 0 + 150 m (Ngã ba đường Trần Hưng Đạo)	Km 0 + 400 m (Ngã ba cạnh nhà ông Chính)	350.000
		Km 0 + 400 m (Ngã ba cạnh nhà ông Chính)	Ngã ba đường đội 7	250.000
24	Đường Nguyễn Đình Chiểu (Cạnh Chùa Huệ Đức)	Km0 Ngã ba đường Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường Lê Hồng Phong	700.000
25	Đường đội 7	Km 0 (Ngã ba đường Trần Hưng Đạo)	Km 0 + 500m	250.000
26	Đường vào khu tập thể huyện	Ngã ba đường Hai Bà Trưng	Ngã ba đường vào khối 7	350.000
27	Đường Lê Duẩn	Km 0 (Ngã ba Phan chu Trinh)	Ngã tư nhà ông Sự	350.000
28	Đường Nguyễn Chí Thanh (Cạnh Kiểm lâm)	Ngã ba Nguyễn Văn Linh	Ngã ba đường Lê Duẩn	350.000
29	Đường Quang Trung	Ngã tư Nguyễn Văn Linh (trước mặt nhà ông Trình)	Ngã ba Quang Trung (Nhà ông Hữu)	500.000
		Ngã ba Quang Trung (Nhà ông Hữu)	Ngã tư nhà ông Sự	350.000
		Km 0 (Ngã ba Nguyễn Tất Thành giáp bệnh viện)	Km 0 + 300m	600.000
		Km 0 + 300m	Giáp ranh Tâm Thắng	400.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
30	Đường vào Nhà rông Bon U3 (Cạnh trụ điện 500Kv)	Km 0 Nguyễn Văn Linh	Km0 + 700m (Nhà rông Bon u3)	300.000
31	Đường Y Bí Alêô (Tuyến 2 bon U3)	Ngã ba trường DT nội trú	Ngã ba nhà ông Vận	300.000
32	Đường vào khu đồng chua	Km 0 (Ngã ba Nguyễn Tất Thành)	Đường đi thôn 4, 5 xã Tâm Thắng	400.000
33	Đường sau bệnh viện (cũ)	Giáp đường sau chợ	Giáp đường Quang Trung	400.000
34	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Giáp đường Lê Hồng Phong	Giáp đường ra đập hồ trúc	400.000
35	Đất ở các khu dân cư còn lại			
	Khu trung tâm thị trấn			200.000
	Ngoài trung tâm thị trấn			150.000
<b>II</b>	<b>Xã Tâm Thắng</b>			
1	Quốc lộ 14	Ngã ba Tân Hải (Giáp thị trấn)	Cầu 14	1.000.000
2	Đường đi Nam Dong	Ngã ba QL 14	Cổng trường PTTT Phan Chu Trinh	500.000
		Ngã tư Trường PTTT Phan Chu Trinh	Ngã ba hết thôn 9	500.000
		Ngã ba hết thôn 9	Cầu sắt (Giáp ranh Nam Dong)	400.000
3	Đường vào nhà máy đường	Ngã ba QL 14	Suối Hương	300.000
4	Đường vào Trường THCS Phan Đình Phùng	Ngã ba QL 14	Trường THCS Phan Đình Phùng	300.000
		Trường THCS Phan Đình Phùng	Ngã tư buôn EaPô	200.000
5	Đường bê tông thôn 10	Ngã ba thôn 9	Ngã tư nhà ông Hải	300.000
6	Đường thôn 2 đi thôn 4, 5	Ngã ba QL 14	Ngã ba nhà ông Đại (Giáp thị trấn)	300.000
7	Đường sinh thái	Ngã ba QL 14	Giáp Suối Hương (Khu bộ đội)	350.000
		Giáp Suối Hương (Khu bộ đội)	Giáp ranh thị trấn EaTling	300.000
8	Đường Tân Hải đi Buôn Trum			200.000
9	Đất ở còn lại các trục đường nhánh (Đường bê tông, nhựa) của trục chính			100.000
10	Đất ở các khu dân cư còn lại			80.000
<b>III</b>	<b>Xã Trúc Sơn</b>			
1	Quốc lộ 14	Ranh giới thị trấn	Cổng Công ty Tân Phát	300.000
		Cổng Công ty Tân Phát	Giáp xã Đăk Găn	150.000
2	Đường đi Cư Knia	Km 0 (QL 14)	Km 0 + 300m	150.000
		Km 0 + 300m	Chân dốc Cổng trời	120.000
3	Đất ở các khu dân cư còn lại			50.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
<b>IV</b>	<b>Xã Cư K'Nia</b>			
1	Đường trục chính	Giáp ranh xã Trúc Sơn	Cổng Văn hoá thôn 1	120.000
		Cổng Văn hoá thôn 1	Nhà ông Tặng	100.000
		Nhà ông Tặng	Hết đất nhà ông Tại	200.000
		Hết đất nhà ông Tại	Cầu Đắc Drông	150.000
2	Đường vào UBND xã	Ngã ba nhà ông Thịnh	Qua Ngã ba nhà ông nhân về hai phía + 100 mét	150.000
		Cổng Văn hoá thôn 2	Trụ sở UBND xã	100.000
		Ngã ba nhà ông Nhân + 100m	Cầu Hoà An	80.000
		Cầu Hoà An	Đường vào thôn 9, 10	60.000
3	Đường vào thôn 5, thôn 6	Ngã ba nhà ông Nhân	Ngã ba công trình nước sạch	80.000
		Ngã ba công trình nước sạch	Hết đường	60.000
4	Đất ở khu dân cư còn lại			50.000
<b>V</b>	<b>Xã Nam Dong</b>			
1	Các trục đường chính	Cầu sắt (Giáp ranh Tâm Thắng)	Cách Ngã ba nhà bà Chín - 100m	200.000
		Ngã ba nhà bà Chín -100m	Ngã ba nhà ông Nghiệp-50m	250.000
		Ngã ba nhà ông Nghiệp-50m	Ngã ba Khánh Bạc - 50m	400.000
		Ngã ba Khánh Bạc -50m	Ngã ba thôn 5 (Nhà ông Khoán)-50m	700.000
		Ngã ba thôn 5 (Nhà ông Khoán) -50m	Ngã ba thôn 3 (Nhà ông Lai)+50m	1.500.000
		Ngã ba thôn 3 (Nhà ông Lai)+50m	Ngã tư Minh Ánh-50m	800.000
		Ngã tư Minh Ánh-50m	Ngã ba phân trường thôn 1 - 50m	600.000
		Ngã ba phân trường thôn 1 - 50m	Giáp ranh xã EaPô	400.000
	Đường đi buôn Tia	Ngã ba nhà bà Chín	Ngã tư Đức Lợi	150.000
	Đường đi Đắc Drông (A)	Km 0 (Ngã ba Khánh Bạc)	Km0 + 100	600.000
		Ngã ba Khánh Bạc + 100m	Ngã tư tuyến 2 thôn 10, thôn 6	400.000
		Ngã tư tuyến 2 thôn 10, thôn 6	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	300.000
		Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáp ranh xã Đắc Drông	250.000
	Đường đi Đắc Drông (B)	Km 0 (Ngã ba nhà ông khoán)	Km0 + 100	600.000
		Ngã ba nhà ông Khoán +100 m	Ngã ba tuyến 2 thôn 6	400.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
	Đường đi xã Tâm Thắng	Ngã ba tuyến 2 thôn 6	Hết khu dân cư thôn 5	200.000
		Hết khu dân cư thôn 5	Giáp ranh xã Đăk Drông	130.000
		Ngã tư chợ Nam Dong	Nhà ông Chiêu	700.000
		Nhà ông Chiêu	Cổng vào chùa Phước Sơn	300.000
	Đường đi xã Đăk Wil	Ngã tư chợ Nam Dong	Ngã ba tuyến 2 thôn Trung Tâm	700.000
		Ngã ba tuyến 2 thôn Trung Tâm	Ngã ba nhà ông Quýnh+50m	500.000
		Ngã ba nhà ông Quýnh+50m	Hết đường thôn 4	300.000
		Hết đường thôn 4	Giáp ranh Đăk Wil	150.000
2	Đường vào Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	Ngã ba thôn ba (Nhà ông Lai)	Cổng trường Tiểu học Lương Thế Vinh	200.000
		Cổng trường Tiểu học Lương Thế Vinh	Ngã ba nhà ông Sơn	130.000
		Ngã ba nhà ông Sơn	Ngã ba nhà ông Chiến thôn 2	120.000
		Ngã ba nhà ông Sơn	Nhà ông Hoè	100.000
3	Đường đi Thác Dray Ling	Ngã tư Minh Ánh	Ngã ba nhà ông Nhạ	200.000
		Ngã ba nhà ông Nhạ	Cầu ông Thái	130.000
		Cầu ông Thái	Buôn Nui	100.000
4	Đường đi thôn 16	Ngã ba ông Nhạ	Ngã ba nhà ông Nhân	130.000
		Ngã ba nhà ông Nhân	Ngã ba nhà ông Chiến	100.000
5	Toàn bộ tuyến hai thôn 6		150.000	
6	Toàn bộ tuyến hai thôn 10		130.000	
7	Toàn bộ tuyến hai thôn 13		150.000	
8	Toàn bộ tuyến 2 thôn Trung Tâm (Sau UBND xã)		250.000	
9	Đường đi thôn 12	Cổng chùa Phước Sơn	Ngã ba vườn điều	150.000
		Ngã ba vườn điều	Giáp ranh xã Tâm Thắng	130.000
		Ngã ba vườn điều	Ngã ba nhà ông Coóng	100.000
10	Toàn bộ tuyến 2 thôn 1, thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn Tân Ninh		130.000	
11	Đất ở khu dân cư các trục đường xương cá, thôn buôn	Cầu sắt	Ngã ba nhà ông Nghiệp	100.000
		Ngã ba nhà ông Nghiệp	Ngã ba Khánh Bạc	130.000
		Ngã ba Khánh Bạc	Ngã ba thôn 3 (Nhà ông Lai)	150.000
		Ngã ba thôn 3 (Nhà ông Lai)	Ngã tư Minh Ánh	140.000
		Ngã ba thôn 2	Ngã ba phân trường thôn 1	130.000
		Ngã ba phân trường thôn 1	Giáp ranh xã EaPô	100.000
		Ngã ba Khánh Bạc	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	130.000
		Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáp ranh xã Đăk Drông	100.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
12	Đất ở các khu dân cư còn lại			80.000
<b>VI</b>	<b>Xã Đắk Drông</b>			
1	Trục đường chính	Giáp ranh Nam Dong	Cầu thôn 2	200.000
		Cầu thôn 2	Cách tim công chợ 200m	300.000
		Tim công chợ về hai phía, mỗi phía 200m		600.000
		Cách tim công chợ 200m	Ranh giới thôn 5, thôn 6	300.000
		Ranh giới thôn 5, thôn 6	Cách công UBND xã 500m	200.000
		Công UBND xã về hai phía mỗi phía 500m		300.000
		Cách công UBND xã 500m	Cách ngã tư thôn 14, 15 trừ 200m	200.000
		Cách ngã tư thôn 14, thôn 15 về ba phía mỗi phía 200m		300.000
		Ngã tư thôn 14, 15	Cầu thôn 15	200.000
2	Đường đi Quán Lý	Km 0 (UBND xã)	Km 0 + 200m	100.000
		Km 0 + 200m	Cách ngã ba Quán Lý trừ 200m	70.000
		Từ trung tâm ngã ba Quán Lý về 3 phía, mỗi phía 100m		150.000
		Từ ngã ba Quán Lý + 100m	Giáp ranh xã Đắk Wil	100.000
3	Đường đi Cư Knia	Ngã ba chợ (Nhà ông Thảng)	Hết khu Kiốt	200.000
		Km 0 (Khu Kiốt chợ)	Km 0 + 500 (Về phía cầu Cư Knia)	100.000
		Km 0 + 500	Cầu Cư Knia	80.000
4	Đường đi lòng hồ	Ngã ba thôn 10	Cầu thôn 11	100.000
		Cầu thôn 11	Bờ đập lòng hồ	80.000
5	Đường thôn 14, thôn 15 đến đường UBND xã đi Quán Lý	Cách ngã tư thôn 14, thôn 15 trừ 200m	Đường UBND xã đi Quán Lý	80.000
6	Đường đi thôn 17	Ngã hai thôn 16 (Nhà ông Lâm)	Ngã ba nhà ông Đội (Thôn 17)	80.000
7	Đường đi thôn 19	Ngã ba C4 (Nhà ông Chín)	Trường học thôn 19	100.000
8	Đất ở khu dân cư các trục đường xương cá chính vào thôn buôn			70.000
9	Đất ở các khu dân cư còn lại			50.000
<b>VII</b>	<b>Xã EaPô</b>			
1	Trục đường chính (Đường nhựa)	Ranh giới xã Nam Dong	Nhà ông Lữ Xuân Điện	300.000
		Nhà ông Lữ Xuân Điện	Ngã ba Trạm xá xã	600.000
		Ngã ba Trạm xá xã	Ngã ba thôn 7	400.000
		Ngã ba thôn 7	Ranh giới xã Đắk Wil	250.000
2	Trục đường chính (Đường đất)	Ngã tư thôn 2	Ngã ba nhà ông Lộc	200.000
		Ngã ba nhà ông Lộc	Đường đi Buôn Nui	80.000
3	Đường trục chính đi thôn Buôn Nui	Ranh giới xã Nam Dong	Mốc địa giới ba mặt bờ sông	60.000
4	Đường đi thôn 6	Km 0 (Ngã tư thôn 2)	Km 0 + 150m (Ngã ông Chát)	150.000
5	Đường đi thác Linda	Ngã ba trạm y tế xã (Thôn 4)	Ngã ba thôn Phú Sơn	150.000



TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
6	Đường đi Suối Tre	Ngã ba thôn 7	Ngã ba nhà ông Tuất	150.000
		Ngã ba nhà ông Tuất	Suối Tre	80.000
7	Đường đi thôn Hợp Tân	Ngã ba nhà ông Lộc	Ngã tư thôn Trung Sơn	140.000
8	Đường đi thôn Trung Sơn	Ngã ba nhà ông Lộc	Ngã tư thôn Trung Sơn	150.000
		Ngã tư thôn Trung Sơn	Ngã ba nhà ông Tuất	100.000
		Ngã ba Thanh Xuân	Ngã tư Tân Tiến	100.000
		Ngã ba Hợp Thành	Hết nhà ông Nghiệp	100.000
		Từ nhà ông Tài	Ngã 6	80.000
		Ngã 6	Đường vào khu ba tầng	60.000
9	Đất ở khu dân cư các trục đường xương cá chính vào thôn, buôn			60.000
10	Khu Tái định cư Cồn Dầu			50.000
11	Khu Tái định cư Thủy điện Sê Rê Pok 3			50.000
12	Đất ở khu dân cư còn lại			50.000
<b>VIII Xã Đăk Wil</b>				
1	Trục đường chính (Đường nhựa)	Km 0 (Cổng chợ Đăk Wil) về hai phía, mỗi phía 150m		500.000
		Km 0 + 150m	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	300.000
		Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	Cách ngã ba (Nhà ông Dục - 50m)	150.000
		Cách ngã ba (Nhà ông Dục - 50m)	Cách ngã ba nhà ông Dục + 50m	200.000
		Cách ngã ba nhà ông Dục + 50m	Giáp ranh xã EaPô	150.000
		Km 0 + 150m	Bưu điện Văn hoá xã	300.000
		Bưu điện Văn hoá xã	Ngã ba nhà ông Thạch	200.000
		Ngã ba nhà ông Thạch	Hết thôn 9	80.000
		Ngã ba chợ	Ngã ba thôn Hà Thông, Thái Học	200.000
		Ngã ba thôn Hà Thông, Thái Học	Giáp Đăk Drông	100.000
		Ngã ba nhà ông Dục	Hết ngã 6	80.000
2	Đất ở khu dân cư các trục đường xương cá chính vào thôn, buôn			60.000
3	Đất ở khu dân cư còn lại			50.000

**3. Huyện Đắk Glong**Đơn vị tính: Đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
<b>I</b>	<b>Xã Quảng Khê</b>			
1	Đường QL 28	Km 0 (Ngã 5 Lâm trường Quảng Khê) về hướng TX Gia Nghĩa	Ngã ba đường vào Thủy điện Đồng Nai 4 - Trạm Y tế xã Quảng Khê	750.000
		Ngã ba đường vào Thủy điện Đồng Nai 4 - Trạm Y tế xã Quảng Khê	Ngã ba đường vào Bon Phi Mur	550.000
		Ngã ba đường vào Bon Phi Mur	Cây xăng thôn 2 (Km 0) + 50 mét	450.000
		Cây xăng thôn 2 (Km 0) + 50 mét	Km 0 + 200 mét	200.000
		Km 0 + 200 mét	Giáp ranh xã Đắk Nĩa	150.000
		Km 0 Ngã 5 Xí nghiệp lâm nghiệp Quảng Khê	Ngã ba trục đường số 8	800.000
		Ngã ba trục đường số 8	Ngã ba QL 28 đường vào khu nhà công vụ huyện	750.000
		Ngã ba QL 28 đường vào khu nhà công vụ huyện	Ngã ba đường vào xưởng đũa (Km 0 - đường vào thôn 7)	700.000
		Ngã ba đường vào xưởng đũa (Km 0 - đường vào thôn 7)	Km 0 + 100 mét	500.000
		Km 0 + 100 mét	Ngã 3 đường vào TĐC xã Đắk P'Lao	300.000
		Ngã 3 đường vào TĐC xã Đắk P'Lao	Suối cây Lim	200.000
		Suối cây Lim	Ngã ba Thủy điện Đồng Nai 3 (Km 0 - 400 mét)	150.000
		Ngã 3 Thủy điện Đồng Nai 3 (Km 0)	Hướng về 2 phía 400 mét	200.000
		Km 0 + 400 mét	Giáp ranh xã Đắk Som	150.000
2	Đường đi Thôn 1	Km 0 (Ngã 5 Lâm trường Quảng Khê)	Km 0 + 100 mét	500.000
		Km 0 + 100 mét	Ngã 3 giao nhau với đường số 2 (đường 33 mét)	350.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
3	Đường số 2 (đường 33 mét, trọn đường)	Ngã ba QL 28 đường vào khu nhà công vụ huyện	Ngã ba giao nhau giữa đường số 2 và đường số 4	500.000
4	Đường số 8 (đường 45 mét, trọn đường)	Ngã ba giao nhau giữa Quốc lộ 28 và đường số 8	Ngã ba giao nhau giữa đường số 8 và đường số 2	500.000
5	Đường đi vào Thôn 7 (vào Bến xe)	Ngã ba đường vào xưởng đũa cũ hướng đường vào thôn 7 (Km 0)	Km 0 + 500 mét	400.000
		Km 0 + 500 mét	Km 1	250.000
6	Đường vào Đập Nao Kon Đoi	Ngã ba giao nhau giữa Quốc lộ 28 và đường rải nhựa vào Đập Nao Kon Đoi (Km 0)	Km 0 + 100 mét	300.000
		Km 0 + 100 mét	Hết Đập tràn Nao Kon Đoi	200.000
7	Đường vào Trường PTCS Nguyễn Du	Km 0 (Ngã 5 Lâm trường Quảng Khê)	Hết đường rải nhựa (Hết Trường PTCS Nguyễn Du)	400.000
8	Đường vào Thủy điện Đồng Nai 4	Ngã ba đường vào Thủy điện Đồng Nai 4 - Trạm Y tế xã Quảng Khê	Ngã ba đường vào Bệnh viện huyện (Km 0)	350.000
		Km 0	Km 1	250.000
		Km 1	Công trình Thủy điện Đồng Nai 4	200.000
9	Đường vào Bệnh viện huyện	Ngã ba đường vào Bệnh viện huyện	Bệnh viện huyện	200.000
		Bệnh viện huyện	Ngã ba đường 135	150.000
10	Đường vào Thôn 4	Km 0 (Ngã 5 Lâm trường Quảng Khê)	Km 0 + 200 mét	250.000
11	Đường vào khu Tái định cư Đăk Plao	Ngã ba Đường vào khu Tái định cư Đăk Plao (Km0)	Km 0 + 300 mét	300.000
		Km 0 + 300 mét	Bon Cây xoài	200.000
		Bon Cây xoài	Giáp ranh xã Đăk Plao	150.000
12	Đất ven các đường rải nhựa còn lại $\geq 3,5$ mét			200.000
13	Đất ở các đường liên Thôn cấp phối $\geq 3,5$ m			150.000
14	Đất ở các đường liên Thôn không cấp phối $\geq 3,5$ m			120.000
15	Đất ở các khu dân cư còn lại			80.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
<b>II</b>	<b>Xã Quảng Sơn</b>			
1	Tỉnh lộ 4	Giáp ranh xã Đăk Ha	Đỉnh dốc 27	150.000
		Đỉnh dốc 27	Đỉnh dốc 27 + 100 mét	200.000
		Đỉnh dốc 27 + 100 mét	Cột mốc 31 TL. 4	250.000
		Cột mốc 31 TL. 4	Cột mốc 31 TL. 4 + 100 mét	300.000
		Cột mốc 31 TL. 4 + 100 mét	Cột mốc 31 TL. 4 + 200 mét	350.000
		Cột mốc 31 TL. 4 + 200 mét	Ngã ba đường vào Thôn 2 (Km 0)	400.000
		Ngã ba đường vào Thôn 2 (Km 0)	Km 0 + 100 mét	450.000
		Km 0 + 100 mét	Km 0 + 200 mét	500.000
		Km 0 + 200 mét	Ngã ba đường đi xã Đăk Rmăng	550.000
		Km 0 (Ngã ba đường đi xã Đăk Rmăng hướng về Quảng Phú) + 500m		500.000
		Km 1	Km 1 + 100 mét	400.000
		Km 1 + 100 mét	Km 1 + 200 mét	200.000
		Km 1 + 200 mét	Giáp ranh huyện Krông Nô	150.000
2	Đường đi thôn 2	Đường nhựa khu đất đầu giá (trọn đường)		500.000
		Ngã ba đường nhựa vào Thôn 2 (Km 0)	Km 0 + 100 mét hướng đường nhựa	400.000
		Ngã ba đường cấp phối vào Thôn 2	Ngã tư Bưu điện xã	400.000
		Ngã tư Bưu điện xã đến Ngã tư đường đi xã Đăk R'măng (đường sau UBND xã và C.Ty Lâm nghiệp Quảng Sơn)		500.000
		Ngã tư Bưu điện xã	Ngã ba chợ Quảng Sơn (Quán cơm Hồng Anh)	350.000
		Ngã ba chợ Quảng Sơn (Quán cơm Hồng Anh)	Ngã ba đường sau UBND xã và C.Ty Lâm nghiệp Quảng Sơn	500.000
		Ngã ba chợ Quảng Sơn (Quán cơm Hồng Anh)	Ngã ba đường đi xã Đăk Rmăng	500.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
3	Đường đi thôn 3A	Ngã ba đường đi xã Đắc Rmăng (Km0)	Km 0 + 150 mét	500.000
		Km 0 + 150 mét	Km 0 + 250 mét	450.000
		Km 0 + 250 mét	Ngã ba giáp đường TL.4	250.000
		Ngã ba (Quán cà phê Thụ Giãn)	Ngã ba giáp đường TL.4	250.000
4	Đường đi xã Đắc Rmăng	Ngã ba đường đi xã Đắc Rmăng	Ngã ba đường vào Thôn 1A	550.000
		Ngã ba đường vào Thôn 1A	Ngã ba đường vào Thôn 1A + 100 mét (Hướng đường vào Thôn 1 C)	430.000
		Ngã ba đường vào Thôn 1A + 100 mét (Hướng đường vào Thôn 1 C)	Đường vào Thôn 1C	280.000
		Đường vào Thôn 1C	Xưởng đũa cũ	240.000
		Xưởng đũa cũ	Xưởng đũa cũ + 100 mét (Hướng về Đắc Rmăng)	150.000
		Xưởng đũa cũ + 100 mét (Hướng về Đắc Rmăng)	Giáp ranh xã Đắc Rmăng	100.000
5	Đất ở các đường rải nhựa liên thôn			240.000
6	Đất ở các đường liên Thôn, Buôn khác cấp phối $\geq 3,5$ mét (không rải nhựa)			100.000
7	Đất ở các khu vực còn lại khác			80.000
<b>III</b>	<b>Xã Quảng Hòa</b>			
1	Đường rải nhựa trung tâm xã	Từ Trụ sở UBND xã (Km 0) về hai phía, mỗi phía 500 mét		250.000
		Km 0 + 500 mét (Về hướng tỉnh Lâm Đồng)	Ngã ba đường đi Đắc Tìng	200.000
		Ngã ba đường đi Đắc Tìng	Hết đường rải nhựa	120.000
		Km 0 + 500 mét (Về hướng xã Quảng Sơn)	Ngã ba đường vào Thôn 6	150.000
		Ngã ba đường vào Thôn 6	Ngã ba đường vào Thôn 6 + 200 mét	180.000
		Ngã ba đường vào Thôn 6 + 200 mét	Giáp ranh xã Quảng Sơn	80.000
2	Đường cấp phối $\geq 3.5$ mét			60.000
3	Đất ở các khu vực còn lại khác			50.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
<b>IV</b>	<b>Xã Đăk Ha</b>			
1	Tỉnh lộ 4	Cột mốc số 067 TL. 4 (Giáp ranh Thị xã)	Cột mốc số 9 TL. 4	300.000
		Cột mốc số 9 TL. 4	Ngã ba đường vào trạm Y tế xã	200.000
		Ngã ba đường vào trạm Y tế xã	Cột mốc số 16 TL. 4 (Bờ hồ)	250.000
		Cột mốc số 16 TL4 (Bờ hồ)	Ngã ba đường rải nhựa 135	500.000
		Ngã ba đường rải nhựa 135	Ngã ba đường vào bãi đá (Km 0)	400.000
		Ngã ba đường vào bãi đá (Km 0)	Km 0 + 800 mét (Hướng về phía Quảng Sơn)	250.000
		Km 0 + 800 mét (Hướng về phía Quảng Sơn)	Km 1 (Hướng về phía Quảng Sơn)	200.000
		Km 1 (Hướng về phía Quảng Sơn)	Giáp ranh xã Quảng Sơn	150.000
2	Đất ở các đường liên Thôn, Bon, Buôn đã rải nhựa			200.000
3	Đất ở các đường liên Thôn, Bon, Buôn cấp phối $\geq 3,5$ mét)			100.000
4	Đất ở các đường liên Thôn, Bon, Buôn không cấp phối $\geq 3,5$ mét)			80.000
5	Đất ở các khu vực còn lại khác			50.000
<b>V</b>	<b>Xã Đăk R'Măng</b>			
1	Từ Trụ sở UBND xã về hai phía, mỗi phía 500 mét			100.000
2	Các trục đường nhựa khác $\geq 3,5$ mét còn lại			70.000
3	Đất ở các khu vực còn lại			50.000
<b>VI</b>	<b>Xã Đăk Som</b>			
1	Đường QL 28	Km 0 (Cổng trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi về 2 phía, mỗi phía 500 m)		400.000
		Km 0 + 500 m (hướng về xã Đăk Plao)	Đường vào Thôn 5	300.000
		Đường vào Thôn 5	Hết đường có rải nhựa QL 28	250.000
		Hết đường có rải nhựa QL 28	Giáp ranh xã Đăk Plao	150.000
		Km 0 + 500 m (hướng về Quảng Khê)	Ngã ba đường vào Bon B'Sréa	250.000
		Ngã ba đường vào Bon B'Sréa	Ngã ba đường đi Đăk Nang	200.000
		Ngã ba đường đi Đăk Nang	Giáp ranh xã Quảng Khê	150.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
2	Đường vào thôn 5	Ngã ba QL 28 đi vào thôn 5	Hết đường rải nhựa	150.000
3	Đường vào Bon B`Sréa	Ngã ba QL 28 đi Bon B`Sréa (đầu Bon)	Chân Đập Bon B'Sréa	200.000
		Chân Đập Bon B'Sréa	Ngã ba QL 28 đi Bon B`Sréa (cuối Bon)	100.000
4	Các trục đường nhựa khác $\geq 3,5$ mét còn lại			100.000
5	Đất ở các đường liên Thôn cấp phối mặt đường $\geq 3,5$ m			80.000
6	Đất ở các khu vực còn lại khác			50.000
<b>VII</b>	<b>Xã Đắc Plao</b>			
1	Đường vào TĐC xã Đắc Plao	Giáp ranh xã Quảng Khê	Hết đường T10	150.000
		Các trục đường từ T1 đến T10 (Trộn đường)		100.000
2	Đất ở các tuyến đường liên thôn cấp phối $\geq 3,5$ m			70.000
3	Đất ở các khu vực còn lại khác			50.000

#### 4. Huyện Đắc Mil:

Đơn vị tính: Đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
<b>I</b>	<b>TT. Đắc Mil</b>			
1	Đường Nguyễn Tất Thành (QL 14)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hết ngã 3 đường Trần Phú	2.000.000
		Đường Trần Phú	Hết Trường Nguyễn Tất Thành	1.700.000
		Trường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh xã Đắc Lao	1.400.000
2	Đường Trần Hưng Đạo (QL 14)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hết ngã 3 đường N' Trang Long	2.000.000
		Ngã 3 đường N' Trang Long	Hết ngã ba Đường Hoàng Diệu	1.500.000
		Ngã ba Đường Hoàng Diệu	Hết hạt Kiểm Lâm	1.000.000
		Hạt Kiểm Lâm	Giáp ranh xã Đắc lao	700.000
3	Đường Nguyễn Chí Thanh (QL 14C)	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết Trường Nguyễn Chí Thanh	1.000.000
		Trường Nguyễn Chí Thanh	Hết trụ sở UBND xã Đắc Lao	600.000
		Trụ sở UBND xã Đắc Lao	Giáp ranh xã Đắc Lao	350.000
4	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết ngã 3 đường Đinh Tiên Hoàng	1.000.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
		Ngã ba đường Đinh Tiên Hoàng	Hết ngã 3 Lê Duẩn - Hai Bà Trưng	800.000
		Ngã 3 Lê Duẩn - Hai Bà Trưng	Giáp ranh xã Đức Minh	700.000
5	Đường Hùng Vương	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ngã ba đường Nguyễn Khuyến	1.200.000
		Ngã ba đường Nguyễn Khuyến	Hết ngã ba đường Hùng Vương đi trường cấp III (nhà Thầy Văn)	800.000
		Ngã ba đường Hùng Vương đi trường cấp III (nhà Thầy Văn)	Hết ngã ba đường Hùng Vương - Lê Duẩn	500.000
6	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết cổng trường Trần Phú	1.000.000
		Cổng trường Trần Phú	Hết ngã 3 đường Trần Phú - Trần Nhân Tông	400.000
		Ngã 3 đường Trần Phú - Trần Nhân Tông	Đường Nguyễn Chí Thanh	350.000
7	Đường Lê Lợi	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lý Thường Kiệt	350.000
8	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Phú	Hết địa phận Thị trấn	250.000
9	Đường Nguyễn Du	Đường Hùng Vương	Ngã tư nhà bà Trang	800.000
		Ngã tư nhà bà Trang	Hết địa phận thị trấn	600.000
10	Các đường đầu nối với đường Nguyễn Du	Km0 (Đường Nguyễn Du)	Km0+100m (Mỗi bên 100m)	300.000
11	Đường phân lô khu tái định cư TDP 5 đầu nối với đường Nguyễn Du			400.000
12	Đường phân lô khu tái định cư TDP 5 không đầu nối với đường Nguyễn Du			300.000
13	Đường N' Trang Long	Đường Trần Hưng Đạo	Hết nhà trẻ Hoà Mỹ	700.000
		Nhà trẻ Hoà Mỹ	Hết ngã 3 đường đi Trường Nguyễn Chí Thanh	500.000
		Đường Đi Trường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Chí Thanh	250.000
14	Đường TDP 11	Đường Nguyễn Chí Thanh	Ngã 3 đường Nơ Trang Long	300.000
15	Đường Lý Thái Tổ	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lê Lợi	350.000
16	Đường nối TDP 3 đi TDP 6	Đường Ngô Gia Tự (Nhà bà Sự)	Đường Lê Lợi	300.000
17	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lý Thường Kiệt	350.000
18	Đường Ngô Gia Tự	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lý Thường Kiệt	350.000
19	Đường Lý Tự Trọng	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lý Thường Kiệt	400.000
20	Đường Quang Trung	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lý Thường Kiệt	600.000
		Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Duẩn	500.000



TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
21	Đường khu Chung cư 301 đầu nối với đường Trần Hưng Đạo	Km 0 (Đường Trần Hưng Đạo)	Km0 +200m	700.000
		Km0 +200m	Đường bờ Hồ Tây	600.000
22	Các đường TDP 13 đầu nối với đường Trần Hưng Đạo trong phạm vi trên 100 m			400.000
23	Các đường TDP 13 không đầu nối với đường Trần Hưng Đạo			300.000
24	Đường Hoàng Diệu	Đường Trần Hưng Đạo	Hết Hội trường TDP16	600.000
		Hội trường TDP 16	Hội trường TDP 16 + 300m	400.000
		Hội trường TDP 16 + 300m	Đường N' Trang Long	150.000
25	Đường từ Hạt Kiểm Lâm đi Buôn Sari	Km0 (Trần Hưng Đạo)	Km0 + 400m	300.000
26	Các đường còn lại của TDP 16			100.000
27	Đường Trần Nhân Tông	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Trần Phú	700.000
28	Đường Vào Chợ Thị Trấn	Ngã 3 đường Trần Nhân Tông, cổng chợ phía Tây	Đường Trần Phú	700.000
29	Đường vào TDP 15	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết trường Mẫu giáo Hướng Dương	250.000
30	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Duẩn	Đường Quang Trung	400.000
		Đường Quang Trung	Đường Lê Lợi	
		+ Phía cao		350.000
		+ Phía thấp		250.000
31	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Lê Duẩn	Đường Hùng Vương	400.000
32	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Lê Duẩn	Đường Hùng Vương	400.000
33	Các đường còn lại của TDP 7, 8 nối với đường Lê Duẩn hoặc đường Hai Bà Trưng			300.000
34	Các đường còn lại của TDP 7, 8			250.000
35	Đường Hai Bà Trưng	Trộn đường		350.000
36	Đường Võ Thị Sáu	Trộn đường		350.000
37	Đường Đinh Tiên Hoàng	Km 0 (đường Lê Duẩn)	Km0+200m	500.000
		Km0+200m	Km0+450m	350.000
		Km0+450m	Hết ranh giới thị trấn	200.000
38	Đường TDP 09 (phía đông Bệnh Viện)	Nhà ông Tấn	Hết Bệnh Viện (Nhà ông Nam)	300.000
39	Đường Phan Bội Châu	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Lý Thường Kiệt	300.000
40	Đường Nguyễn Trãi	Trộn đường		300.000
41	Đường Hoàng Văn Thụ	Trộn đường		250.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
42	Đường Tổ dân phố 1	Nhà ông Liêu	Đường Quang Trung	350.000
		Đường Nguyễn Tất Thành (nhà ông Hùng Mai)	Nhà ông Chính (hết trường Nội Trú)	300.000
43	Đường tổ d.phố 1 đi TDP 9	Đường Quang Trung	Ngã 3 Phan Bội Châu (nhà ông Sự)	300.000
44	Các đường còn lại của Tổ dân phố 01			150.000
45	Các đường TDP 12 đầu nối với Đường Trần Hưng Đạo vào 100m			300.000
46	Đường Khu dân cư Trường Nguyễn Đình Chiểu không đầu nối với Đường Trần Hưng Đạo			200.000
47	Đường TDP 04	Đường Trần Nhân Tông	Hẻm (nhà ông Bảy Mai)	250.000
48	Các đường còn lại của TDP 3, TDP6			250.000
49	Đường vành đai Hồ Tây (TDP 5, 13)			300.000
50	Đường Nơ Trang Gul			250.000
51	Đất khu dân cư còn lại			150.000
<b>II</b>	<b>Xã Đắc Gản</b>			
1	Quốc lộ 14	Giáp ranh huyện Cư Jút	Hết dốc võng (nhà ông Vũ Văn Hoành)	120.000
		Dốc võng (nhà ông Vũ Văn Hoành)	Ngã 3 trạm Y tế	140.000
		Ngã 3 trạm Y tế	Hết trường Hoàng Văn Thụ	180.000
		Trường Hoàng Văn Thụ	Giáp xã Đắc R'la	150.000
2	Đường nội bon Đắc Láp	Nhà ông Phan Minh Cảnh	Hết nhà ông Y Ten	100.000
		Nhà ông Phạm Văn Mãi	Hết nhà ông Võ Tá Lộc	90.000
		Nhà ông Nguyễn Duy Biên	Hết nhà ông Y Eng	90.000
		Các đường ngang của bon Đắc Láp		90.000
3	Đường nội 3 bon Đắc Krai, Đắc Srai, Đắc Gản	Trường mẫu giáo Hoa PơLang	Hết Nhà bà H Cheng	90.000
		Nhà Văn Hóa cộng đồng 3 bon	Hết nhà ông Mai Thái	90.000
		Trạm Y tế	Hết nhà ông Y Sắt	90.000
4	Đường cấp phối thôn Trung Hòa - Sơn Thượng - Sơn Trung			90.000
5	Các đường đầu nối với QL 14	Km0 (QL14)	Km0+300m	100.000
6	Các đường đã trải nhựa			100.000
7	Đất khu dân cư còn lại			80.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
<b>III</b>	<b>Xã Đức Mạnh</b>			
1	Quốc lộ 14	Giáp xã Đăk Lao (Hạt đường bộ)	Hết Nhà ông Đức(thôn Đức Tân)	650.000
		Hết Nhà ông Đức (thôn Đức Tân)	Đường vào trường Lê Quý Đôn	450.000
		Đường vào trường Lê Quý Đôn	Hết HTX Mạnh Thắng	650.000
		HTX Mạnh Thắng	Hết Trường Phan Bội Châu	300.000
2	Quốc lộ 14	Trường Phan Bội Châu	Giáp ranh giới xã Đăk N'Drôt, Đăk Rla	170.000
3	Tỉnh Lộ 2	Ngã 3 Đức Mạnh	Ngã 3 đường vào nghĩa địa Bắc Ái (Đức Hiệp)	450.000
		Ngã 3 đường vào nghĩa địa Bắc Ái (Đức Hiệp)	Cầu Đức Lễ (cũ)	250.000
		Cầu Đức Lễ (cũ)	Ngã 3 Thọ Hoàng (đi Đăk Săk)	400.000
4	Đường vào Đức Lệ	Km0 (QL14)	Km0 + 300m	200.000
		Km0 + 300m	Cầu Đức Lễ (mới)	170.000
		Cầu Đức Lễ (mới)	Giáp ranh giới xã Đức Minh	250.000
5	Đường đập Y Ren thôn Đức Nghĩa	Km0 (QL14)	Km0 + 300m	150.000
6	Đường Nghĩa Địa Vinh Hương, Đức Nghĩa, Đức Vinh	Km0 (QL14)	Km0 + 300m	150.000
7	Đường Bà Tội thôn Đức Vinh	Km0 (QL14)	Km0 + 300m	150.000
8	Đường Nghĩa Địa Bắc Ái thôn Đức Trung - Đức Ái	Km0 (QL14)	Km0 + 300m	150.000
9	Đường Trường Phan Bội Châu thôn Đức Phúc - Đức Lợi	Km0 (QL14)	Km0 + 400m	150.000
10	Đường ông Hồng thôn Đức Phúc - Đức An - Đức Lộc	Km0 (QL14)	Km0 + 500m	150.000
11	Đường ông Vinh thôn Đức An - Đức Thuận	Km0 (QL14)	Km0 + 500m	150.000
12	Đường Thôn Đức Bình	QL 14	Hết nhà tang thôn Đức Bình	170.000
13	Các đường nhánh có đầu nối với QL14 còn lại	Km0 (QL14)	Km0 + 200m	130.000
14	Đường liên xã (Đức Mạnh - Đăk Săk)	Tỉnh lộ 2	Giáp ranh xã Đăk Săk	200.000
15	Đất khu dân cư còn lại			100.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
<b>IV</b>	<b>Xã Đăk R'La</b>			
1	Quốc lộ 14	Ranh giới xã Đăk Găn	Ngã ba thôn 7, thôn 12	300.000
		Ngã ba thôn 7, thôn 12	Đường vào mỏ đá Đô Ry	450.000
		Đường vào mỏ đá Đô Ry	Hết nhà ông Chính (giáp Cao Su)	300.000
		Hết nhà ông Chính	Giáp ranh xã Đức Mạnh, Đăk N'Drót	150.000
2	Đường vào trường Hoàng Diệu	Km0 (QL14)	Hết trường Hoàng Diệu	150.000
3	Các đường có đầu nối với QL14	Km0 (ngã ba QL14 thôn 2)	Km0 + 250m	150.000
		Km0 (ngã ba QL14 thôn 3 trạm y tế)	Km0 + 500m	100.000
		Km0 (Ngã ba QL 14 thôn 5, thôn 6)	Km0 + 500m (nghĩa địa 312)	150.000
		Km0 (Ngã ba QL 14 thôn 7)	Suối ông Công	100.000
		Km0 (Ngã ba QL 14 thôn 7, thôn 11)	Suối ông Công	100.000
		Km0 (Ngã ba thôn 4)	Km0 + 500 (đất nhà ông Hà - thôn 4)	150.000
4	Đường cấp phối, tuyến 2 song song QL 14	Đầu nối từ đường 312	Hết Trường Hoàng Diệu	100.000
		Thôn 6	Đường vào nhà ông Hạnh	110.000
		Thôn 11 đường sau trung tâm cụm chợ xã	Đến hết cao su Nông trường	100.000
5	Đất khu dân cư còn lại			90.000
<b>V</b>	<b>Xã Đăk N'Drót</b>			
1	Quốc lộ 14	Giáp ranh xã Đức Mạnh	Giáp xã Đăk R'la	150.000
2	Đường 304	Quốc lộ 14	Cầu suối Đăk Gôn 1 (đầu buôn Đăk Me)	100.000
		Cầu suối Đăk Gôn I	Ngã ba UBND xã mới	100.000
		Ngã ba UBND xã mới	Hết đập nước buôn Đăk R'la	110.000
		Ngã ba UBND xã mới	Cuối dốc tám tôn	100.000
		Cuối dốc Tám Tôn	Ngã 6 thôn 4	120.000
		Ngã 6 thôn 4	Ngã ba nhà ông Xuân Phương	110.000
		Ngã ba nhà ông Xuân Phương	Cầu gỗ	100.000
		Cầu gỗ	Ngã ba nhà ông Hai Chương (thôn 2)	100.000
3	Đường vào buôn Đăk R'La	Cầu Suối Đăk Gôn II	Ngã ba buôn Đăk R'la	120.000
4	Đường thôn 1	Km0 (QL14)	Km0 + 200	120.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
5	Đường Đắc N'DRót - Đôn 755	Trường Hoàng Hoa Thám	Cầu cọp	90.000
6	Đường vào khu dân cư 23 hộ	Ngã 3 nhà ông Phí Văn Tính	Hết đường nhựa khu 23 hộ (nhựa 3,5m)	100.000
7	Đường thôn 5 đi thôn 6	Ngã 3 nhà bà Đinh Thị Huệ	Ngã 3 làng đạo thôn 6 (nhựa)	100.000
8	Đường từ thôn 4 qua thôn 7, thôn 6	Ngã 6 thôn 4	Ngã 3 làng đạo thôn 6 (nhựa)	100.000
9	Các khu dân cư còn lại			80.000
<b>VI</b>	<b>Xã Đắc Lao</b>			
1	Quốc lộ 14 (về phía Đắc Lắc)	Giáp Huyện đội Đắc Mil	Ngã ba thôn 4 (công ty 2-9)	1.400.000
		Ngã ba thôn 4 (công ty 2-9)	Giáp ranh xã Đức Mạnh	1.200.000
2	Quốc lộ 14 (về phía Đắc Nông)	Giáp ranh thị trấn	Cây xăng Anh Tuấn	600.000
		Cây xăng Anh Tuấn	Giáp ranh xã Thuận An	400.000
3	Quốc lộ 14C	Giáp đường Trường Trần Phú đi QL14 C	Hết Lâm trường Đắc Mil (Công ty Đại Thành)	600.000
		Lâm trường Đắc Mil	Đập 6B	250.000
		Đập 6B	Hết Trạm Biên phòng Đắc Ken	200.000
		Trạm Biên phòng Đắc Ken	Trạm Biên phòng Đắc Ken + 500 m	150.000
4	Đường liên xã	Ngã ba trường tiểu học trần Phú	Giáp QL 14C	350.000
		Ngã ba trường tiểu học trần Phú	Hết nhà bà Trần Thị Ngọc Ánh	300.000
		Nhà bà Trần Thị Ngọc Ánh	Giáp thôn 5 Đắc Lao (bò vàng Dla)	200.000
		Ngã ba QL14 (XN Giao thông cũ)	Ngã ba thôn 1 Đắc Lao	300.000
		QL14	Đập 470	150.000
5	Đường thôn 1	Giáp ranh TT. Đắc Mil (ngã 3 đường Lê Lợi - Đường Lý Thường Kiệt)	Giáp ranh xã Đức Mạnh	150.000
6	Đường Thôn 2	Ngã 3 Lê Lợi (nhà kho ông Huy Hiền)	Hết nhà Mẫu giáo thôn2	200.000
		Nhà Mẫu giáo thôn2	Giáp xã Đức Mạnh	150.000
7	Đường Thôn 3	Nhà ông Vũ Vy	Hết nhà ông Lê Minh	150.000
8	Đường vào thôn 4	Quốc lộ 14A	Hết nhà ông Hợp	300.000
9	Đường thôn 4	Giáp ranh xã Đức Mạnh	Hết nhà ông Trung	250.000
		Nhà ông Trung	Ngã 3 (nhà ông Lê Văn Đào)	100.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
10	Đường thôn 4 (Lô 2 sau Bến xe)	Nhà ông Bùi Văn Ri (thôn 4)	Hết Cty Cà phê 2-9	250.000
11	Đường thôn 5	Nhà ông Phạm Như Thức (thôn 6)	Hết đường nhựa thôn 5 (giáp đồi Bom Bi)	150.000
12	Đường thôn 7	Giáp ranh Thị trấn (đường Trần Phú)	Giáp ranh Thôn 8 (quán Lữ Quán)	250.000
		Giáp nhà ông Bùi Quang Định (Thôn 6)	Đi qua Nghĩa địa và ra nhà ông Ba Đôn	100.000
13	Đường thôn 8, thôn 9	Giáp ranh thôn 7	Đường Quốc lộ 14C (Ngục Đắc Mil)	150.000
14	Đường Thôn 8	Ngã 3 Mẫu giáo Thôn 8	Giáp QL 14C (Cty. Lâm Nghiệp Đắc Mil)	150.000
15	Đường Liên Thôn 10A-13 (Miếu cô)	QL 14A	Nhà máy Cao su	150.000
16	Đường Liên Thôn 10B - 11A	Nhà ông Trần Văn Soa (Thôn 10B)	Hết nhà ông Nguyễn Hữu Quán (thôn 11A)	150.000
20	Đường thôn 11B	Ngã 3 cây xăng Minh Tuấn (thôn 11B)	Giáp đường liên xã Đắc Lao- Thuận An	150.000
18	Đường Thôn 12	Từ đập 40 (đường nhựa)	Hết thôn 12 (đường nhựa)	150.000
19	Giáp đường liên xã Đắc Lao- Thuận An	QL 14	Giáp đập đội 2	200.000
20	Đất khu dân cư còn lại			100.000
<b>VII</b>	<b>Xã Thuận An</b>			
1	Quốc lộ 14	Giáp xã Đắc Lao	Ngã ba đường vào Cty cà phê Thuận An	340.000
		Ngã ba đường vào Công Ty cà phê Thuận An	Ngã ba đường vào đồi chim	400.000
		Ngã ba đường vào đồi chim	Hết khu dân cư Thôn Thuận Nam (Giáp cao su)	250.000
		Khu dân cư Thôn Thuận Nam (Giáp cao su)	Hết địa phận xã Thuận An	120.000
2	Đường từ QL14 đi bon Sa Pa	QL14 (chợ xã Thuận An)	Đập nhỏ	110.000
		Đập nhỏ	Ngã ba đi bon Sa Pa (giáp đường Đông Nam)	100.000
3	Đường từ QL14 đi Công ty Cà phê Thuận An	QL 14	Ngã 3 hết nhà bà Phan Thị Thành, thôn Đức Hoà	140.000
		Ngã 3 giáp nhà bà Phan Thị Thành, thôn Đức Hoà	Giáp đường Đông Nam	130.000
		Ngã 3 Đường Đông Nam	Giáp ranh thị trấn Đắc Mil	350.000
		Ngã ba đường Đông Nam	Đập núi lửa	100.000
		Đập núi lửa	Giáp Quốc lộ 14	100.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
4	Đường đi trạm Đắc Per	Ngã ba QL14 (nghĩa địa)	Ngã ba Đồng Đế	100.000
		Ngã ba Đồng Đế	Trạm Đắc Per	100.000
5	Đường nội thôn Thuận Bắc	Quốc lộ 14	Đập nước của thôn	100.000
		Ngã ba QL 14	Đập đội 2, Thuận Hoà	200.000
6	Đường Đắc Lao - Thuận An	Đập đội 2 (Thuận Hoà)	Giáp đường vành đai Đông Nam (Thuận Sơn)	150.000
7	Đường nội thôn Thuận Hoà	Ngã ba giáp ranh vành đai Đông Nam	Giáp ranh Thôn 11B xã Đắc Lao	100.000
		Đập đội 2	Giáp vườn nhà ông Hoàng Văn Mến	100.000
8	Đường nội thôn Thuận Sơn	Nhà ông Nguyễn Hữu Thịnh	Giáp ranh thị trấn Đắc Mil	150.000
9	Đường liên thôn Đức An - Đức Hoà	Nhà ông Nguyễn Hồng Nhiên	Giáp ranh vườn ông Lương Tài Sơn	100.000
10	Đường liên thôn Thuận Hạnh - Đức An	Ngã 3 nhà ông Nguyễn Minh Tuấn (thôn Thuận Hạnh)	Ngã 3 nhà ông Nguyễn Hào (thôn Đức An)	100.000
11	Đường từ QL14 đến đường vào bon Sa Pa	QL14 (Ngã ba đường vào nhà thờ)	Ngã ba nhà thờ	120.000
		Ngã ba nhà thờ	Đường đi bon Sa Pa (Sau chợ xã)	110.000
12	Đất khu dân cư còn lại			90.000
<b>VIII</b>	<b>Xã Đức Minh</b>			
1	Đường Nguyễn Du	Giáp ranh giới Thị trấn	Ngã 4 ( giáp nhà ông Liên)	850.000
2	Tuyến Tinh lộ 3	Giáp ranh thị trấn	Trường Chu Văn An	400.000
		Trường Chu Văn An	Hết Nhà Thờ Vinh Đức	400.000
		Nhà thờ Vinh Đức	Đường vào Sân vận động Vinh Đức	350.000
		Đường vào Sân vận động Vinh Đức	Giáp Ranh xã Đắc SẮc	400.000
3	Tinh Lộ 2	Giáp xã Đức Mạnh	Cầu trắng	450.000
		Cầu trắng	Giáp ranh giới xã Đắc Mol	350.000
4	Đường liên thôn	Ngã 4 nhà thờ Vinh An	Đầu cánh đồng Đắc Gô	350.000
		Đầu cánh đồng Đắc Gô	Giáp xã Thuận An	200.000
		Đường nội bon Jun júh		80.000
		Ngã 3 Jun Júh (Cây xăng ông Đoài)	Nhà thờ họ Thanh Lâm	200.000
		Nhà thờ họ Thanh Lâm	Cầu máy giấy	150.000
5	Đường liên xã Đức Minh - Đức Mạnh	Tinh lộ 3	Đường đi Đức Lễ (giáp ranh giới xã Đức Mạnh)	200.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
6	Đường liên thôn Đức Đoài (trừ tiếp giáp Tinh lộ 3 tính theo hệ số còn lại)	Cây xăng Đặng Văn Thư	Mẫu giáo Phong Lan đến tiếp giáp đường ra nghĩa trang xã đoài	200.000
7	Đường liên thôn Mỹ Yên, Mỹ Hòa (Trừ tiếp giáp tinh lộ 3 tính theo hệ số còn lại)	Nhà ông Nguyễn Thanh Bảo	Cổng trường Mầm non tư thực Tuổi Thơ	200.000
8	Đường liên thôn Vinh Đức, Xuân Phong (Trừ tiếp giáp tinh lộ 3 tính theo hệ số còn lại)	Mẫu giáo Vinh Đức	Nghĩa trang Vinh Đức đi ra trường tiểu học Bùi Thị Xuân - nhà ông Nguyễn Xuân Hoàng (tinh lộ 3)	200.000
9	Đường liên thôn Kê Động ( trừ tiếp giáp Tinh lộ 3 tính theo hệ số còn lại)	Nhà ông Hằng ( Tinh lộ 3)	Chợ Đức Minh	200.000
		Nhà Ông Tón (Cây xăng Hoàng Diệu) Tinh lộ 3	Chợ Đức Minh	200.000
		Chợ Đức Minh	Hết Hội trường thôn Kê Động	150.000
7	Các đường nhánh đầu nối với tinh lộ 2,3	Km0 Tinh lộ 2, Tinh lộ 3	Km0 + 200	130.000
11	Đất khu dân cư còn lại			100.000
<b>IX</b>	<b>Xã Long Sơn</b>			
1	Đường tinh lộ 3	Giáp xã Đắc SẮc	Cầu suối 2	110.000
		Cầu suối 2	Giáp ranh huyện Krông Nô	120.000
2	Đường thôn Nam Sơn	Tinh lộ 3	Hết thôn Nam sơn	90.000
3	Các khu dân cư còn lại			80.000
<b>X</b>	<b>Xã ĐẮC SẮC</b>			
1	Tinh lộ 2	Ngã 3 Thọ Hoàng	Cầu trắng	450.000
		Cầu trắng	Giáp ranh xã Đắc Mol	350.000
2	Đường tinh lộ 3	Từ ngã 4 giáp Tinh lộ 2	Hết Ngân Hàng NN&PTNT	400.000
		Ngân Hàng NN&PTNT	Hết Trường Lê Hồng Phong	350.000
		Trường Lê Hồng Phong	Đường Vào E29	250.000
		Đường vào E29	Hết Trụ sở Lâm trường Thanh Niên(cũ)	250.000
		Trụ sở Lâm trường Thanh Niên(cũ)	Giáp ranh xã Long Sơn	200.000
3	Đường nội xã	Giáp ranh xã Đức Mạnh	Ngã 3 đầu thôn 1	200.000
		Ngã 3 đầu thôn 1	Hết Trạm Điện T15	200.000
		Trạm Điện T15	Hết trường Lê Hồng Phong	180.000
		Trạm Điện T15	Thôn Phương Trạch (giáp Tinh lộ 3)	150.000



TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
4	Đường 3/2	Tỉnh lộ 3	Đường sân bay (cũ)	150.000
5	Đường liên xã Đắc SẮk - ĐỨC MẠNH	Tỉnh lộ 2	Ngã 3 đầu thôn Thổ Hoàng 1	200.000
6	Đường liên thôn	Đầu sân bay (liên thôn 1 - 2)	Cuối thôn 2 (Đường song song với đường sân bay)	180.000
		Tỉnh lộ 3	Phân hiệu (trường Nguyễn Văn Bé)	150.000
		Phân hiệu (trường Nguyễn Văn Bé)	Cầu Ông Quý	150.000
		Tỉnh Lộ 2	Ngã 3 giáp Đắc Mól	150.000
		Ngã 3 xã Đắc Mól	Đến hết thôn Xuân Bình	120.000
7	Các đường nhánh từ sân bay vào sâu đến 200m			150.000
8	Các nhánh đường đầu nối với Tỉnh lộ 2, Tỉnh lộ 3 vào sâu 200m			150.000
9	Các khu dân cư còn lại			90.000

### 5. Huyện ĐẮk SONG:

Đơn vị tính: Đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
<b>I</b>	<b>TT. ĐỨC AN</b>			
1	Độc quốc lộ 14	Ranh giới thị trấn và xã Nam Bình	Cổng huyện đội	
		- Phía đông (trái)		450.000
		- Phía tây (phải)		500.000
		Cổng Huyện đội	Dịch vụ công	
		- Phía đông (trái)		900.000
		- Phía tây (phải)		700.000
		Dịch vụ công	Hết trụ sở Ngân hàng nông nghiệp	
		- Phía đông (trái)		1500.000
		- Phía tây (phải)		800.000
		NH nông nghiệp	Đường vào xã Thuận Hà (Kiếm lâm)	1300.000
		Đường vào Thuận Hà (Kiếm lâm)	Km 809	800.000
		Km 809 (tây)	Km 811	450.000
Km 0 (ngã 3 buru điện) + 150 m	Xuống Đập Đắc Rlong	400.000		
2	Đường đi thôn 10 (ĐẮk N'DRUNG)	Từ QL 14	Đến hết ranh giới thị trấn ĐỨC AN	400.000
3	Đường vào thôn 6 (Ma Nham trung tâm Y tế)	Km 0 (quốc lộ 14)	Hết bệnh viện	500.000
		Bệnh viện	Ranh giới thị trấn	300.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
4	Khu tái định cư (trước cổng huyện đội) các trục đường chính	Km 0 (quốc lộ 14)	Km 0 + 150m	400.000
5	Khu tái định cư (sau huyện đội) các trục đường chính			400.000
6	Đường khu tái định cư	Sau Bru điện	Trường Chu Văn An	300.000
7	Đường số 2 sau UBND thị trấn Đức An			300.000
8	Đường hành chính	Chi cục thuế (QL 14)	QL14 (giáp viện kiểm sát)	250.000
9	Đường vào khu văn hoá	Km 0 QL 14 (Phòng Văn hóa)	Km 0 QL 14 (Phòng Văn hóa) + 400 m	350.000
	Đoạn đường còn lại			200.000
10	Đường đi xã Thuận Hà	Km 0 QL 14 (Hạt Kiểm lâm)	Km 0 QL 14 (Hạt Kiểm lâm) + 200m	250.000
11	Các trục đường còn lại			200.000
12	Đất ở khu dân cư còn lại			100.000
<b>II</b>	<b>Xã Trường Xuân</b>			
1	Đọc quốc lộ 14	Giáp xã Năm N'Jang	Ngã 3 đường vào mỏ đá Trường Xuân (thôn 7)	100.000
		Ngã 3 đường vào mỏ đá Trường Xuân	Ngã 3 đường vào thôn 4	300.000
		Ngã 3 đường vào thôn 4	Giáp xã Quảng Thành - Gia Nghĩa	150.000
2	Các đường liên thôn có tiếp giáp QL 14	QL 14	Vào sâu 300 m	80.000
3	Đất ở khu dân cư còn lại			50.000
<b>III</b>	<b>Xã Đắc N'Drung</b>			
1	Đường liên xã Đắc N'Drung – Nam Bình	Từ ngã 3 tỉnh lộ 6	Hết trường Lý Thường Kiệt	300.000
		Trường Lý Thường Kiệt	Ranh giới xã Nam Bình	100.000
2	Đường liên xã Đắc N'Drung – Năm N'Jang	Từ ngã 3 tỉnh lộ 6	Trường cấp III + 500m	250.000
		Trường cấp III + 500m	Ranh giới xã Năm N'Jang	100.000
3	Đường tỉnh lộ 6	Ranh giới xã Năm N'Jang	Ngã 3 bon Bu Bong	100.000
		Ngã 3 bon Bu Bong	Ngã 3 Công ty cà phê Đắc Nông	300.000
		Ngã 3 công ty cà phê Đắc Nông	Giáp xã Đắc Bu So	100.000
4	Đường đi thôn 10	Ranh giới xã Năm N'Jang	Tỉnh lộ 6	80.000
5	Đất ở khu dân cư còn lại			50.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
<b>IV</b>	<b>Xã Năm N'Jang</b>			
1	Quốc lộ 14	Ranh giới thị trấn Đức An	Cầu 20 + 150 m	150.000
		Cầu 20 + 150 m	Ngã 4 cầu 20 + 100 m	250.000
		Ngã 4 cầu 20 + 100 m	Km 18	200.000
		Km 18	Km 19 +500 m	250.000
		Km 19 + 500 m	Giáp Trường Xuân	150.000
		Km0 Ngã 3 vào thủy điện	Km0 Ngã 3 vào thủy điện + 500m	200.000
2	Đường tỉnh lộ 6	Quốc lộ 14 (ngã 4 cầu 20)	Cầu thác	200.000
		Cầu thác	Trường Nguyễn Văn Trỗi	250.000
		Trường Nguyễn Văn Trỗi	UBND xã	300.000
		UBND xã	Hết Chùa Hoa Quang	400.000
		Hết Chùa Hoa Quang	Hết trường Mẫu giáo Thôn 1	250.000
		Hết trường Mẫu giáo Thôn 1	Ngã 3 Thôn 8	350.000
		Ngã 3 đi Thôn 8	Đập nước ranh giới xã Đắc N'Drung	150.000
		QL 14 Ngã 4 cầu 20	Lâm trường Đắc N'Tao	250.000
		Lâm trường Đắc N'Tao	Trạm QL BVR (Công ty LN Đắc N'Tao)	150.000
3	Đường liên xã Năm N'Jang - Đắc N'Drung	Ngã 3 tỉnh lộ 6 đi thôn 5	Giáp ranh giới xã Đắc N'Drung	200.000
4	Đường liên thôn	Đường ngã 3 đi thôn 1	Đường đi thôn Đắc Lư và Bung bình	80.000
		Đường ngã 3 đi thôn 3	Ngã 3 đi thôn 11 (ra nhà máy mỳ)	80.000
5	Đường đi thôn 10	Ranh giới thị trấn Đức An	Ranh giới Đắc N'Drung	200.000
6	Khu dân cư còn lại			50.000
<b>V</b>	<b>Xã Nam Bình</b>			
1	Quốc lộ 14	Giáp ranh Thuận Hạnh	Ngã 3 Đức An (Trạm y tế mới)	200.000
		Ngã 3 Đức An (Trạm y tế mới)	Nhà mẫu giáo Hoa Sen (Trạm y tế cũ)	250.000
		Nhà mẫu giáo Hoa Sen (Trạm y tế cũ)	Cây Xăng Đình Diệm	500.000
		Cây xăng Đình Diệm	Hết trụ sở đoàn 505	800.000
		Hết trụ sở đoàn 505	Giáp thị trấn Đức An	500.000
2	Đường tỉnh lộ 2	Km 0 QL 14 (ngã 3 rừng lạnh)	Ngã 0+ 300 m	300.000
		Ngã 30+ 300 m	Ranh giới xã Đắc Hoà	200.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
3	Quốc lộ 14 C	Ngã 3 Đức An	Ngã 3 đường đi thôn 6	200.000
		Ngã 3 đường đi thôn 6	Ranh giới Thôn 7	300.000
		Ranh giới Thôn 7	Hết trường Tô Hiệu	500.000
		Hết trường Tô Hiệu	Hết ranh giới xã Nam Bình	300.000
4	Đường liên xã	Ngã 3 đi thôn 6	Giáp Thị trấn	100.000
5	Các trục đường của khu dân cư Thôn 10 + Thôn 11			250.000
6	Khu dân cư còn lại			80.000
<b>VI</b>	<b>Xã Thuận Hạng</b>			
1	Đọc Quốc lộ 14 A	Ranh giới xã Nam Bình	Vườn ươm Công ty LN Thuận Tân	200.000
		Vườn ươm Công ty LN Thuận Tân	Km 796 (Ngã 3 đôn 8 cũ)	300.000
		Km 796 (Ngã 3 đôn 8 cũ)	Ranh giới huyện Đăk Mil	200.000
2	Đọc Quốc lộ 14 C	Km 796 (Ngã 3 đôn 8 cũ)	Km 119 + 20 m	250.000
		Ngã 3 Thuận Thành	Đôn 763	150.000
3	Đường vào UBND xã	Ngã 3 Thuận Tân	Ngã 3 Thuận Thành	150.000
		Đập Đăk Mroung	Cầu bê tông (trường Kim Đồng)	150.000
		Cầu bê tông (trường Kim Đồng)	Giáp ranh giới xã Nam Bình	150.000
4	Điểm dân cư thuận lợi	Lô A		200.000
		Lô B		150.000
		Lô C		100.000
5	Đất ở các khu dân cư ven trục đường chính			
	- Các thôn: Thuận Nam, Thuận Lợi			150.000
	- Các thôn còn lại			80.000
6	Ngã 3 thôn Thuận Tình, Ngã 3 thôn Thuận Nghĩa đi các hướng 300m			150.000
7	Đất ở các khu dân cư còn lại			50.000
<b>VII</b>	<b>Xã Thuận Hà</b>			
1	Quốc lộ 14C	Ranh giới xã Nam Bình	Cầu Đầm Giỏ	150.000
		Cầu Đầm Giỏ	Trường Vừa A Dính	250.000
		Trường Vừa A Dính	Ranh giới bản Đăk Thót	200.000
		Trường Vừa A Dính	Giáp bản Đầm Giỏ	150.000
		Trường Vừa A Dính	Trạm y tế + 200 m	200.000
2	Đất ở khu dân cư ven trục đường chính thôn 4, thôn 5			100.000
3	Khu dân cư còn lại			50.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
<b>VIII</b>	<b>Xã Đắc Mol</b>			
1	Tỉnh lộ 2	Giáp huyện Đắc Mil	Ranh giới thôn Đắc Sơn 1	220.000
		Ranh giới thôn Đắc Sơn 1	Ranh giới xã Đắc Hoà	280.000
2	Đường liên thôn	Ngã 3 tỉnh lộ 2	Hết thôn Đắc Sơn 1	120.000
		Ngã 3 tỉnh lộ 2	Hết thôn 4	150.000
		Giáp ranh xã Đắc Hoà	Hết thôn Hà Nam Ninh	100.000
3	Đường đi E29	Ngã 3 tỉnh lộ 2	Cầu Bon JaJi	150.000
		Cầu Bon JaJi	Trường Trần Bội Cơ	100.000
		Đoạn đường còn lại		80.000
4	Đất ở khu dân cư còn lại			50.000
<b>IX</b>	<b>Xã Đắc Hoà</b>			
1	Tỉnh lộ 2	Ranh giới xã Đắc Mol	Đập nước Đắc Mol	300.000
		Km 0 (đập nước)	Ranh giới thôn rừng lạnh	120.000
		Thôn rừng lạnh	Giáp xã Nam Bình	80.000
2	Đường liên xã	Từ ngã 3 Đắc Hoà (nhà bà Ngọc)	Ranh giới xã Đắc Mol (thôn Hà Nam Ninh)	150.000
		Cây xăng	Ranh giới xã Đắc Mol (thôn Hà Nam Ninh)	100.000
3	Đường liên thôn	Đắc Sơn 2, Đắc Sơn 3	Giáp tỉnh lộ 2	100.000
4	Khu dân cư còn lại			50.000

## 6. Huyện Đắc R'Lấp

Đơn vị tính: Đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
<b>I</b>	<b>TT. Kiến Đức</b>			
1	Nguyễn Tất Thành	Ranh giới xã Kiến Thành	Ngã 3 đường Võ Thị Sáu - Nguyễn Tất Thành	1.500.000
		Ngã 3 đường Võ Thị Sáu - Nguyễn Tất Thành	Ngã 3 đường Chu Văn An	2.000.000
		Ngã 3 đường Chu Văn An	Ngã 3 đường Lê.H.Trác - N.T.Thành	2.500.000
		Ngã 3 đường Lê Hữu Trác - Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường Trần Phú - Nguyễn Tất Thành	2.000.000
		Km 0 (Ngã ba đường Trần Phú)	Km 0 +600m (ngã 3 đường Trần Phú)	1.400.000
		Km 0 +600m (ngã 3 đường Trần Phú - Nguyễn Tất Thành)	Ranh giới xã Kiến Thành (Đường Nguyễn Tất Thành)	1.000.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
2	Đường Lê Thánh Tông	Ngã 3 đường Lê Hữu Trác – Lê Thánh Tông	Đường vào lò mổ (tà dương)	1.500.000
		Ngã 3 đường Lê Hữu Trác – Lê Thánh Tông	Đường vào lò mổ (tà âm)	800.000
		Km 0 (ngã 3 đường vào lò mổ - Lê Thánh Tông)	Km0 +200mGiáp đất nhà ông Lương)	
			Tà luy dương	2.000.000
			Tà luy âm	1.500.000
		Km0 +200m Giáp đất nhà ông Lương)	Hết điểm quy hoạch (Giáp bờ kè sau chợ)	1.800.000
		Km0 +200mGiáp đất nhà ông Lương)	Giáp QLô 14	
			Tà luy dương	2.000.000
		Tà luy âm	1.500.000	
3	Nơ Trang long (Bên phải)	Km 0 (QLô 14)	Km0 + 150m	2.500.000
		Km0 + 150m	Ngã ba đường Ng.Du đường Nơ trang long	2.000.000
		Ngã ba đường Ng.Du đường Nơ trang long	Cầu Đák BLao	1.500.000
	Nơ Trang long (bên trái)	Km 0 (QLô 14) Phía tà âm	Km0 + 150m	2.500.000
		Phía bên trái đường		
		Km 0+ 150m	Km 0+ 300m	1.500.000
		Km 0+ 300m	Km 0+ 500m	1.000.000
		Km 0+ 500m	Km 1+ 110m	1.000.000
	Nơ Trang long	Km 1+ 110m	Km 1+650m (ngã 3 đường Ph.C.Trinh-đường Nơ.Tr Long)	1.000.000
		Km 1+650m (ngã 3 đường Ph.C.Trinh-đường Nơ Trang Long)	Km 2+450m (đường Nơ trang long)	800.000
		Km 2+450m	Giáp ranh Quảng Tân (đường Nơ trang Long)	
			Tà luy dương	700.000
			Tà luy âm	500.000
4	Đường Lê Hữu Trác	Km 0+ 50m (QLô14)	Ngã 3 đường Lê Thánh Tông –Lê Hữu Trác	
			Tà luy dương	1.500.000
			Tà luy âm	1.000.000
		Ngã 3 đường Lê Thánh Tông –Lê Hữu Trác	Ngã 3 đường Hai bà Trưng –Lê Hữu Trác	
			Tà luy dương	900.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
			Tà luy âm	700.000
		Km 0 Ngã 3 đường Hai bà Trưng – Lê Hữu Trác	Km0+100 (Ngã 3 đường vào xóm 2 tổ 8 đường Lê Hữu Trác)	
			Tà luy dương	500.000
			Tà luy âm	300.000
		Km0+100 (Ngã 3 đường vào xóm 2 tổ 8 đường Lê Hữu Trác)	Giáp đường Nơ Trang Long (QLô 14b)	
			Tà luy dương	300.000
			Tà luy âm	200.000
5	Đường Trần Phú	Ngã 3 đường Trần Phú- Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh giới xã Kiến Thành	800.000
6	Đường Võ Thị Sáu	Ngã 3 đường Võ Thị Sáu- Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh giới xã Kiến Thành đường Võ Thị Sáu	500.000
7	Đường Phan Chu Trinh	Ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành-Phan Chu Trinh	Đập thủy điện Đăktăng (đường P.C.Trinh)	500.000
8	Đường Chu Văn An	Ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành-Chu Văn An	Giáp sân vận động	
			Tà luy dương	1.000.000
			Tà luy âm	800.000
9	Đường Nguyễn Du	Đường Nơ trang Long	Đường Chu Văn An	1.000.000
10	Đường Nguyễn Huệ	Đường	Đường Nguyễn Khuyến	1.000.000
11	Nguyễn Du nói dài	Ngã 3 Ng.Du – Chu Văn An	Đường Nguyễn Tất Thành	1.000.000
12	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Nơ trang Long	Sân vận động	1.000.000
		Sân vận động	Hết tổ dân phố 2 giáp hồ thủy điện	500.000
13	Đường TRẦN Hưng Đạo	Ngã ba đường Nơ trang long- Trần Hưng Đạo	Km 0+850 đườngTrần Hưng Đạo	500.000
		Km 0+850 đườngTrần Hưng Đạo	Giáp hồ thủy điện Đăk Tang đường Trần.H.Đạo	300.000
14	Đường Phan Chu Trinh	Km 0 (ngã 3 đường Nơ trang long- Phan.C.Trinh)	Km 0+300 (đường Phan .C.Trinh)	300.000
		Km 0+300 (đường Phan .C.Trinh)	Giáp ranh xã Kiến Thành Đường.P C.Trinh	200.000
15	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nơ trang Long (Đập nước ĐăkBLao)	TT Y tế huyện (Điểm dân cư số 5 đường Lê Hữu Trác	600.000
16	Đường Hùng Vương	Km 0 QLô 14- Trụ sở UBND TT mới	Km0 +200m (Đường Hùng Vương)	
			Tà luy dương	1.000.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
			Tà luy âm	600.000
		Km0 +200m (Đường Hùng Vương)	Ngã 3 đường Hùng Vương - Trần Phú	600.000
17	Đường Ngô Quyền	Điểm dân cư số 2 (Tà luy dương)		500.000
18	Đường Lê Lợi (Điểm dân cư số 4)		Tà luy dương	220.000
			Tà luy âm	200.000
19	Khu dân cư số 6	Khu tập thể TT Y tế Huyện		80.000
20	Đường liên khu phố	Km 0 ngã 3 đường Trần Hưng Đạo	Hội trường tổ 3, giáp đường Phan Chu Trinh	350.000
		Hội trường tổ 3	Trần Hưng Đạo	250.000
21	Đường vào đồi thông tổ 7	Km0 (QLộ 14)	Km0 +400m	
			Tà luy dương	400.000
			Tà luy âm	400.000
		Km0 + 400 m	Đến hết đường	150.000
22	Đường vào nhà máy nước đá	Nhà ông Vinh Tổ 6	Giáp ranh giới Kiến Thành	400.000
		Nhà ông Sự	Bờ kè chợ	180.000
		Đường từ Cổng bệnh viện	giáp đường Lê Hữu Trác	150.000
23	Đường vào Trường Dân tộc nội trú	Ngã ba đường Phan Chu Trinh	Hết Trường Dân tộc nội trú	200.000
		Hết Trường Dân tộc nội trú	Hết đường	150.000
24	Đất khu dân cư còn lại			80.000
<b>II</b>	<b>Xã Kiến Thành</b>			
1	Quốc Lộ 14			
a	TT K. Đức về xã Q.Tín	<b>Bên phải</b>		
		Giáp ranh TT Kiến Đức	Giáp nhà ông Lập	700.000
		Nhà ông Lập	Ranh xã Quảng Tín	650.000
		<b>Bên trái</b>		
		Giáp ranh TT Kiến Đức	Giáp ranh nhà Ô.Son	650.000
		Giáp ranh nhà ông Sơn	Giáp ranh xã Q. Tín	700.000
b	TT Kiến Đức- NƠ	Ranh giới Kiến Đức	Ranh giới Kiến Đức +200 m	
			Tà luy dương	1.000.000
			Tà luy âm	800.000
		Ranh TT K.Đức +200 m	Đến ngã ba hầm đá	
		Tà dương (phía cao)	Đến ngã ba hầm đá	700.000
		Tà âm (phía thấp)	Đến ngã ba hầm đá	650.000
		Ngã ba vào hầm đá	Ranh giới xã Đ.Wer	700.000



TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
2	Tỉnh lộ 5	Ranh giới TT Kiến Đức	Nghĩa địa thôn 3	500.000
		Nghĩa địa thôn 3	Nghĩa Địa thanh niên xung phong	300.000
		Nghĩa Địa thanh niên xung phong	Ranh giới xã Nghĩa Thắng	200.000
3	Đường thôn 7	Từ ranh giới kiến Đức (đường dây 500KV)	Ranh giới Đăk Wer	300.000
		Ngã 3 trường Phân hiệu Võ Thị Sáu	Đăk Wer (QL 14)	100.000
4	Đường đi thôn 5, thôn 8	Thủy điện ĐăkRTăng	Nghĩa địa thôn 5	150.000
		Từ ngã 3 QL 14	Đập thủy điện Đăk Tăng	400.000
		Từ nhà ông Thêu	Ranh TT Kiến Đức	150.000
5	Đường đi thôn 9	QL 14 ngã 3 trường 1	Nghĩa địa thôn 9	150.000
		QL 14 nhà ông Chử	Khu q.hoạch xưởng cưa	150.000
		Khu QH đất GV thôn 9		80.000
6	Đường vào cây đa Kiến Đức		Giáp ranh Kiến Thành	600.000
7	Từ nhà ông Tạ Năng		Đến nhà ông Nguyễn Phương	250.000
8	Đất khu dân cư còn lại			50.000
<b>III</b>	<b>Xã Nhân Cơ</b>			
1	Quốc Lộ 14	Ranh giới xã Đăk Wer	Hết trạm Y Tế xã Nhân Cơ	1.000.000
		Trạm Y Tế xã Nhân Cơ	Đầu trường Lê Đình Chinh	1.500.000
		Đầu trường Lê Đình Chinh	Ngã 3 đường vào xã Nhân Đạo	2.000.000
		Ngã ba đường vào xã Nhân Đạo	Hết trụ sở lâm trường Đạo Nghĩa (cũ)	1.500.000
		Trụ sở lâm trường Đạo Nghĩa (cũ)	Cách ngã ba đường vào ngầm 18 (200m)	500.000
		Cách ngã ba đường vào ngầm 18 (200m)	Qua ngã ba đường vào ngầm 18 (+200m)	700.000
		Qua ngã ba đường vào ngầm 18 (200m)	Cách ngã 3 đường vào thác Diêu Thanh (200m)	500.000
		Cách ngã 3 đường vào thác Diêu Thanh (200m)	Qua ngã 3 đường vào thác Diêu Thanh (+200m)	800.000
		Qua ngã ba đường vào thác thác Diêu Thanh 200m	Cầu Đăk R'Tít	500.000
2	Các đường nhánh tiếp giáp với Quốc lộ 14			
2.1	Đường vào xã Nhân Đạo	Km 0 QL14	Km 0 + 500m	700.000
		Km 0 + 500m	Giáp ranh xã Nhân Đạo và Đăk Wer	250.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
2.2	Đường vào ngàm 18	Ngã 3 QLô 14	Hết trường Nguyễn Viết Xuân	300.000
		Hết trường Nguyễn Viết Xuân	Đến ngàm 18	150.000
2.3	Đường vào Thác Diệu Thanh	Ngã 3 (QLô 14)	Ngã 3 (QLô 14) + 500m	400.000
2.4	Đường vào nghĩa địa thôn 8	Km 0 (QLô 14)	Km 1	200.000
2.5	Đường bên cạnh trụ sở lâm trường	Km 0 (QLô 14)	Đến cổng chào bon Bù Đốp	200.000
2.6	Đường vào bon Bù Dấp	Từ nhà ông Thành	Ngã 3 nhà ông Toi	200.000
2.7	Đường liên thôn	Ngã 3 Pi Nao I	Giáp mặt bằng nhà máy Alumin	250.000
2.8	Đường cạnh kho Loan Hiệp	Kho Loan Hiệp	Nhà bà Hồng	400.000
2.9	Đường vào bên cạnh UBND xã	Ngã 3 (QLô 14)	Hết đường	500.000
2.10	Đường vào bên cạnh chợ	Ngã 3 (QLô 14)	Hết đường	500.000
2.11	Đường cạnh nhà bà Là	Ngã 3 (QLô 14)	Hết đường	300.000
2.12	Đường vào tổ 9 thôn 3	Ngã 3 (QLô 14)	Hết đường	200.000
2.13	Đường vào tổ 8	Cổng nhà ông Hà (Tổ 8)	Cổng nhà ông Hà + 500 m	200.000
		Cổng nhà ông Hà + 500 m	Hồ Nhân cơ	100.000
2.14	Đường vào tổ 1	Km 0 (QLô 14)	hết nhà Vinh Lệ	200.000
2.15	Đường cạnh nhà ông Duyên	Km 0 (QLô 14) cạnh nhà ông Duyên	Nhà Vinh Lệ	200.000
2.16	Đường vào nhà máy mì	QLô 14	Giáp suối 1	200.000
2.17	Đường vào sân bay	Ngã ba QL 14	Giáp sân bay nhân cơ	700.000
2.18	Đường tổ 1	Từ cửa sắt Trường Sơn (nhà ông Trường)	Cầu mới	250.000
2.19	Đường vào Nghĩa địa thôn 8	Km1	Giáp cụm Công nghiệp	100.000
2.2	Đường bên cạnh chợ	Nhà ông Ngạn	Hết đường	100.000
2.21	Từ suối 1		Đến ngã 3 đường liên thôn 12	100.000
3	Đường đi xã Nhân Đạo		Ngã 3 đến khu nhà chuyên gia AluMin	250.000
4	Từ Ngã ba nhà ông Toát		Ngã 3 đường vào nhà ông Lương	200.000
5	Ngã 3 nhà ông Lương		Hết nhà bà hiền	100.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
6	Nhà Bà Hiền		Hồ Nhân cơ	100.000
7	Khu công nghiệp		Ngã 3 đường vào thôn 4	100.000
8	Ngã 3 hồ Nhân Cơ		Hết đất bà Lan	150.000
9	Đất ở khu dân cư còn lại			50.000
<b>IV</b>	<b>Xã Đắc Wer</b>			
1	Đường QLô 14	Km 0 ngã 3 vào thôn 1 về 2 phía mỗi phía 200m		1.200.000
		Km 0 + 200m	Giáp ranh Kiến Thành	800.000
		Km 0 +200 m	Km 0 + 350 m hướng Nhân Cơ	800.000
		Km 0 +350 m	Giáp ranh Nhân Cơ	500.000
2	Đường vào thôn 1	Km 0 (QLô 14)	Km 0 +100 m	550.000
		Km 0 + 100 m	Cầu qua thôn 1	240.000
		Cầu qua thôn 1	Cách ngã ba TT xã (+ 450m)	300.000
		Km 0 ngã 3 Trung Tâm xã	Về 3 phía mỗi phía 250 m (hướng Nhân Cơ, Quảng Tân, thôn 1)	350.000
		Km 0 + 250 ngã 3 Trung Tâm xã	Km 250 +200 m về 3 phía	300.000
3	Đường vào Quảng Tân	Km 0 +450 m	Km 0 +850m	200.000
		Km 0 +850 m	Giáp ranh xã Quảng Tân	150.000
4	Đường vào thôn 6	Km 0 QLô 14	Km 0 +200 m	300.000
		Km 0 +200 m	Hết đường thôn 6 giáp thôn 13	200.000
5	Đường vào thôn 13	Km 0 QLô 14	Km 0 +200 m	150.000
		Km 0 +200 m	Hết đường	120.000
6	Đường liên xã Nhân Cơ Nhân Đạo, Nghĩa Thắng	Km 0 ngã 3 (Pi nao II)	Km 0 + 500m hướng Nghĩa Thắng	570.000
		Km 0 +500 m	Giáp xã Nghĩa Thắng	200.000
		Km 0 ngã 3 Pi nao II hướng Nhân Cơ	Km 0 + 500m	570.000
		Km 0 + 500m	Giáp ranh xã Nhân Cơ	250.000
7	Đường liên thôn	Cầu Trần nhà ông Thanh	Giáp châu Giang Kiến Thành	100.000
		Cầu mới	Ngã ba thôn 14	240.000
		Ngã ba thôn 14	Ngã 3 trung tâm xã (+ 450m)	200.000
8	Đất ở ven các đường nhánh còn lại tiếp giáp với QLô vào đến 200m			100.000
9	Thôn 1 đi thôn 16	Km0 ngã 3 TT xã (hướng cầu ông Trọng)	Km0 + 100m	200.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
10	Thôn 13	Ngã 3 thôn 6	Ngã 3 nhà ông Vinh	150.000
		Ngã 3 nhà ông Trung Quýt	Ngã 3 Nhân Đạo	150.000
		Nhà ông Mạc Thanh Hoá	Về hướng Kiến Thành (hết đường)	180.000
11	Đất khu dân cư còn lại			50.000
<b>V</b>	<b>Xã Nhân Đạo</b>			
1	Đường liên xã	Km0 (ngã 3 chợ PiNaoII)	Km0+500 (đi xã Nhân Cơ)	570.000
		Km0+500 (đi xã Nhân Cơ)	Ngã 3 Cùi chó	300.000
		Ngã 3 Cùi chó	Cột mốc giáp ranh xã Nhân Cơ	180.000
		Km0 (ngã 3 chợ PiNaoII)	Km0+500 (đi xã Nghĩa Thắng)	570.000
		Km0+500 (đi xã Nghĩa Thắng)	Cột mốc giáp xã Nghĩa Thắng	220.000
		Ngã 3 cùi chó	Ráp ranh xã Nhân Cơ	250.000
2	Đường liên thôn	Km0 (ngã 3 chợ PiNaoII)	Km0 +500m(Đi bon PiNao)	450.000
		Km0 +500m(Đi bon PiNao)	Ngã 3 Mum	220.000
		Ngã 3 Mum	Km 7 đường vào bon Pi Nao	120.000
		Ngã 3 Cùi chó	Trường mẫu giáo thôn1	80.000
		Trường mẫu giáo thôn1	Hết đất nhà ông Lê Xuân Hán	60.000
		Ngã 3 mum	Đập Đắc Mur	60.000
		Ngã 3 mum	Trường học Lê Văn Tám (Phân hiệu 2)	100.000
		Trường học Lê Văn Tám (Phân hiệu 2)	Ngã tư Quốc tế	80.000
		Ngã 3 vào suối đá	Ngã 3 đập thôn 6	70.000
		Ngã 3 Mum	Trường Lê Văn Tám (phân hiệu)	120.000
3	Ngã 3 tư quốc tế	Đi bon PINAO	Đến hết nhà ông Hoa	70.000
4	Đất ở các khu dân cư còn lại			50.000
<b>VI</b>	<b>Xã Đạo Nghĩa</b>			
1	Tỉnh lộ 5	Từ UBND xã (hướng Đắc Sin)	UBND xã + 200m	550.000
		Cách UBND 200m	Giáp Đắc Sin	280.000
		Từ UBND xã (hướng Nghĩa Thắng)	Cách UBND xã 300m	550.000
		Cách UBND 300m	Giáp Nghĩa Thắng	280.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
2	Đường liên thôn	Từ cầu Quảng Phước	Đập tràn Quảng Đạt	400.000
		Đập tràn Quảng đạt	Đến nhà ông Thọ	280.000
		Từ nhà Ông Thọ	Đến nhà ông Tư Tù	400.000
		Từ nhà ông Tư Tù	Đến hết đường nhựa (Mười nỏ)	260.000
		Từ nhà ông Tân Ngà	Đến cửa rừng	180.000
		Từ nhà ông Khư	Đến cuối xóm mít	140.000
		Trường Huỳnh Thúc Kháng	Hết nhà bà Huệ	120.000
		Từ Nhà bà Huệ	Giáp xã Nghĩa Thắng	80.000
		Nhà Ông Trung	Hết nhà ông Phú	120.000
		Nhà bà Huệ	Hết nhà ông Trần Dũng	80.000
		Ngã 3 nhà ông Phước	Trường Huỳnh Phúc Kháng (phân hiệu)	80.000
3	Đất ở các khu dân cư còn lại			50.000
<b>VII</b>	<b>Xã Đắc Sin</b>			
1	Tỉnh lộ 5	Ngã ba Ngân hàng	Cầu Vũ Phong	500.000
		Đầu cầu Vũ Phong	Hết Trường Trần Hưng Đạo	450.000
		Đầu cầu dốc minh lãng	Giáp ranh xã Đạo Nghĩa	300.000
		Ngã 3 ngân hàng	Km 0 + 150m	500.000
		Km 0 + 150m	Ngã 3 nhà ông Tự	350.000
		Ngã 3 nhà ông Tự	Giáp ranh xã Hưng Bình	200.000
2	Đường liên xã	Ngã ba cây xăng ông Hà	Hết đất nhà ông Sang	400.000
		Hết đất nhà ông Sang	Hết đất nhà bà Tuyên	300.000
		Hết đất nhà bà Tuyên	Giáp ranh xã Quảng Tín	100.000
3	Đường liên thôn	Ngã ba Ngân Hàng	Trường Tiểu học Lê Hữu Trác (đường liên xã)	400.000
		Trường Lê Hữu Trác	Ngã ba cầu Tam Đa	300.000
		Cầu Tam Đa	Hết thôn 5	150.000
		Ngã ba cầu Tam Đa	Giáp ranh xã Hưng Bình	200.000
		Ngã ba ông Thái	Giáp ranh xã Đắc Ru (Đường liên xã)	100.000
		Ngã ba ông Tự	Ngã ba đường đi 208 (nhà ông Vân)	100.000
		Ngã 3 tỉnh lộ 5	Hết nhà ông Thái Thôn 10	100.000
4	Đường đi 208	Ngã 3 đi thôn 12, thôn 7	Hết đất nhà bà Bé Sáu	150.000
		Ngã 3 nhà ông Hùng	Hết đất nhà ông Tự	150.000
5	Đất khu dân cư còn lại			50.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
<b>VIII</b>	<b>Xã Hưng Bình</b>			
1	Tỉnh lộ 5	Đất nhà ông Nguyễn Phi Long (Giáp ranh xã ĐẮK SIN)	Ngã ba nhà ông Trương Văn Thủy	160.000
		Giáp nhà ông Trương Văn Thủy	Ngã ba nhà ông Vi Văn Hiện	120.000
		Giáp nhà ông Vi Văn Hiện	đất nhà ông Liễu Văn Hiếu	160.000
		Giáp nhà ông Liễu Văn Hiếu	Đất nhà ông Nguyễn Văn Bài (Vấn)	250.000
		Giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Bài (Vấn)	Chân dốc thác (giáp ranh thôn 1)	160.000
		Chân dốc thác (Giáp ranh thôn 2)	Cầu Tư	150.000
		Cầu Tư	Cầu ba (Giáp xã ĐẮK RU)	100.000
2	Đường liên thôn 3, 5, 7	Ngã ba ông Trần Văn Thích (Đất nhà ông Thích)	Ngã ba nhà ông Vạn	100.000
3	Đường đi thôn 3	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Hiến	Hết đất nhà ông Hoàng Văn TỰ (Trưởng)	250.000
		Giáp đất nhà ông Hoàng Văn TỰ (Trưởng)	Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Thiệu	160.000
4	Đường liên thôn 4, 7	Đất nhà ông Quang (thôn 5)	Ngã ba tỉnh lộ 5 (đất nhà ông Tạ Văn Long thôn 2)	60.000
5	Thôn 06	Đầu đập thôn 6 (đập C15)	Ngã 3 thôn 4	200.000
		Ngã 3 thôn 4	Hết đất nhà ông Khường	200.000
		Hết đất nhà ông Khường	Hết đất nhà ông Tính	200.000
6	Thôn 7	Cống ông Vạn (Giáp ranh thôn 6)	Hết đất nhà ông Hoàn	100.000
7	Buôn Châu Mạ	Đất nhà bà Điều Thị ĐUM (giáp ranh thôn 7)	Hết đất nhà bà Điều Thị BRang	100.000
		Giáp đất nhà bà Điều Thị BRang	Đến hết đất nhà ông Điều Am	100.000
8	Đất khu dân cư còn lại			50.000
<b>IX</b>	<b>Xã Nghĩa Thắng</b>			
1	Tỉnh Lộ 5			
a	Hướng Kiến Thành	Trạm xá xã	Trường mẫu giáo Quảng Thuận	400.000
		Trường mẫu giáo Quảng Thuận	Ngã 3 đập tràn Quảng Chánh	400.000
		Ngã 3 đập tràn Quảng Chánh	Ngã 3 Quảng Chánh	400.000
		Ngã 3 đập tràn Quảng Chánh	Cống nước nhà Tư Rịa Q.Chánh	400.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
		Cống nước nhà Tư Rịa Q.Chánh	Ngã 3 nghĩa địa Quảng Trung	150.000
		Ngã 3 nghĩa địa Quảng Trung	Đầu đập hồ Cầu Tư	200.000
		Đầu đập hồ Cầu Tư	Giáp ranh xã Kiến Thành	100.000
b	Hướng Đạo Nghĩa	Trạm xá xã	Ngã 3 chợ	1.200.000
		Ngã 3 chợ	Ngã 3 nhà ông Tường	600.000
		Ngã 3 nhà ông Tường	Ngã 3 nhà ông Thái	400.000
		Ngã 3 nhà ông Thái	Giáp ranh xã Đạo Nghĩa	200.000
2	Đường liên xã	Giáp ranh xã Nhân Đạo	Cách ngã 3 Pi Lao III 200m	200.000
		Qua Ngã 3 Pi Lao III về 3 phía 200m	Hết nhà ông Lý	300.000
		Hết nhà ông Lý	Hết nhà ông Chì	400.000
		Trường cấp III Km 0	Ngã 3 nhà ông Kế (Quảng chánh)	250.000
		Ngã 3 nhà ông Kế (Quảng chánh)	Giáp ranh xã Đạo Nghĩa	200.000
		Ngã 3 chợ	Cầu Quảng Phước Đạo Nghĩa	300.000
3	Đường liên thôn	Ngã 3 Pi Lao 3 + 200m	Ngã 3 đường Hai Bé	150.000
		Trường cấp III	Về thôn Quảng Phước 500 m	100.000
		Ngã 3 nhà ông Kế	Xóm mít giáp ranh Đạo Nghĩa	100.000
		Ngã 3 Quảng Chánh	Hết nhà ông Mao	100.000
		Ngã 3 Quảng Tiến nhà bà Tươi	Ngã 3 đường vào UBND xã	150.000
		UBND xã	Cống nước nhà ông Thu, Quảng Lợi	100.000
		Ngã 3 Quảng Tiến nhà ông Thái	Cống nước nhà ông Châu	100.000
		Ngã 3 Quảng Tiến nhà bà Minh	Hết nhà ông Mậu	100.000
		Ngã 3 PINAO	02 phía 200 m	400.000
Trường cấp III	Giáp ranh xã Đạo Nghĩa	100.000		
4	Đất ở các khu dân cư còn lại			50.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
<b>X</b>	<b>Xã Quảng Tín</b>			
1	Quốc lộ 14	Ranh giới xã Kiến Thành	Ngã ba hết trụ sở Cty cà phê Đắk Nông	500.000
		Hết ngã ba Cty cà phê Đắk Nông	Đến hết ngã ba vào tổ 1 thôn 3	400.000
		Ngã ba vào tổ 1 thôn 3	Đến hết ngã ba bon Bu Dách	
			- Tà luy dương	300.000
			- Tà luy âm	150.000
		Ngã ba vào đường bon Bù Dách	Ngã ba đi đường vào Đắk Ngo	600.000
		Ngã ba đi vào đường Đắk Ngo thôn 5	Ngã ba đường vào tổ 5 thôn 5	800.000
		Ngã ba đi đường vào tổ 5 thôn 5 hết nhà ông Hùng	Đến giáp xã Đắk Ru	400.000
2	Các tuyến đường giáp QLô 14			
a	Đường xã Đắk Sin thôn 10	Km 0 (QLô 14)	Km 0 +200m	400.000
		Km 0+200m	Km 0 +1000m	250.000
		Km 0 +1000m Ranh giới hộ ông Trí	Đến ngã 3 nhà ông An	200.000
		Ngã 3 nhà ông An	Đến giáp ranh giới xã Đắk Sin	100.000
b	Đường nhánh thôn 3 tiếp giáp QL14	Km 0 (QLô 14)	Đường dây 500 kv	150.000
c	Đường ngã 3 bon bu bia đi Đắk Ka	Km 0 QLô 14	Km 0 +1.000m	150.000
		Km 0 +1000m	Cầu 2 xã Đắk Ru	100.000
d	Đường thôn 4 (bon ol)	Km 0 QLô 14	Đến cầu sắt sađacô	150.000
		Cầu sắt sađacô	Đến nhà ông Hoá thôn sađacô	200.000
		Nhà ông Hoá thôn sađacô	Trục đường đi dốc miếu. Trục đường đi hết thôn 9	100.000
e	Đường bon Bu Dách	Km 0 (QLô 14)	Đến hết đường	100.000
f	Ngã ba Cty cà phê Đắk Nông đến hết đường	Km 0 (QLô 14)	Km 0 +300 (đến hết dốc nhà ông Âu)	200.000
		Km 0 (QLô 14) +300	đến hết đường	100.000
g	Ngã ba thôn 5 đi Đắk Ngo	Km 0 (QLô 14 )	Xưởng Cưa	250.000
		Xưởng Cưa	đến suối ĐẮK R LẤP	100.000
h	Ngã ba vào đội lâm trường cũ	Km 0 (QLô 14)	Km 0 +200m	200.000
i	Đường vào tổ 1 thôn 2	Km 0 (QLô 14)	Hết đường	150.000



TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
3	Đất ở các khu dân cư còn lại			50.000
<b>XI</b>	<b>Xã Đăk Ru</b>			
1	Quốc lộ 14	Ranh giới xã Quảng Tín	Cột mốc 882 (QL14)+50m	400.000
		Cột mốc 882 (QL14)+50m	Cột mốc 883 (QL14)+500m	600.000
		Cột mốc 883 (QL14)+500m	Cột mốc 885 (QL14)	400.000
		Cột mốc 885 (QL14)	Cột mốc 886 (QL14)+400m	700.000
		Cột mốc 886 (QL14)+400m	Ranh giới tỉnh Bình Phước	400.000
2	Các đường nhánh chính tiếp giáp với QLô 14			
a	Tỉnh lộ 5	Ngã 3 QLô 14	Ngã 3 cửa rừng +200m	350.000
		Ngã 3 cửa rừng +200m	Cầu số I	200.000
		Cầu số I	Cầu số 3(Giáp xã Hưng Bình)	100.000
b	Đường vào TT KTM Đăk Ru	Ngã 3 QLô 14	Ngã 3 thôn Đoàn Kết, Tân Bình, Tân Tiến, Tân Phú	200.000
		Ngã 3 thôn Đoàn Kết, Tân Bình, Tân Tiến, Tân Phú	Đập ĐăkRu 2 thôn Tân Tiến	150.000
		Đập ĐăkRu 2 thôn Tân Tiến	Ngã 3 đường vào thôn Đoàn Kết	100.000
		Ngã 3 đường vào thôn Đoàn Kết, Tân Bình, Tân Tiến, Tân Phú	Hết thôn Tân Phú	150.000
c	Đường vào E 720	Ngã 3 QLô 14	Ngã 3 nhà văn hoá Bon Bu Srê I	250.000
		Ngã 3 nhà văn hoá Bon Bu Srê I	Ngã 3 đường vào thôn Tân Lợi	150.000
		Ngã 3 đường vào thôn Tân Lợi	Giáp ranh xã Đăk Ngo	100.000
		Ngã 3 nhà văn hoá Bon Bu srê I	Thủy điện Đăk Ru	100.000
d	Đường vào thôn Tân Lợi	Km0 (QLô14)	Km0 + 500	100.000
e	Đường vào thôn 8	Km0 (Cầu 2 ranh giới xa Quảng Tín)	Km0 + 500	100.000
		Km0 + 500	Ngã 3 Quán chín	150.000
		Ngã 3 Quán chín	Giáp tỉnh lộ 5	100.000
		Ngã 3 Quán chín	Cầu Sập	100.000
f	Đường vào thôn Tân Lập	Km0 (Cầu 2 ranh giới xã Quảng Tín)	Km 1	100.000
		Km 1	Km 2 + 500	100.000
		Km 2 + 500	Ranh giới xã Đăk Sin	100.000
3	Đất ở các khu dân cư còn lại			50.000

## 7. Huyện Krông Nô

Đơn vị tính: Đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
<b>I</b>	<b>TT. Đắk Mâm</b>			
1	Đường tỉnh lộ 4	Cột mốc Km số 16 TL4 (cầu 1, giáp Xã Nam Đà)	Ngã tư Bến xe	1.600.000
		Ngã 4 Bến xe	Ngã 4 Ngân hàng Nông Nghiệp	2.000.000
		Ngã 4 Ngân hàng Nông Nghiệp	Giáp ranh giới Xã Đắk Drô (Ngã 3 Buôn OL trường MG Họa Mi)	1.600.000
2	Đường tỉnh lộ 3	Ngã Tư bến xe	Ngã 3 tổ dân phố số 5	530.000
		Ngã 3 tổ dân phố số 5	Đường dây 500 KV	500.000
		Đường dây 500 KV	Ngã 3 buôn DRu	440.000
		Ngã 3 buôn DRu	Ngã 3 buôn Dốc Linh	380.000
		Ngã 3 buôn Dốc Linh	Hướng đi Đắk Sôr + 300 mét	290.000
		Ngã 3 buôn Dốc Linh (Hướng đi Đắk Sôr) + 300 mét	Cầu cháy	250.000
		Ngã 3 buôn Dốc Linh (Đường đi Tân Thành)	Ngã 3 vào Nhà cộng đồng Buôn Broih	240.000
		Ngã 3 vào Nhà cộng đồng Buôn Broih	Đường đi vào Mỏ đá	210.000
	Đường đi vào Mỏ đá	Giáp ranh xã Tân Thành	180.000	
3	Đường đi tổ dân phố số 6	Ngã 3 tỉnh lộ 4 (Trường THPT)	Ngã 3 tổ dân phố số 5	440.000
4	Đường đi tổ dân phố số 3	Ngã 4 Ngân hàng Nông Nghiệp	Ngã 3 tổ dân phố số 3	450.000
		Ngã tư Bến xe	Ngã 3 tổ dân phố số 3	320.000
5	Đường nhựa trung tâm thị trấn	Ngã 4 Ngân hàng Nông Nghiệp	Ngã 3 giáp tỉnh lộ 4 (qua trụ sở UBND huyện)	370.000
6	Đường đi tổ dân phố số 3	Ngã 3 chợ huyện	Tổ dân phố số 3 (giáp đường nhựa)	220.000
7	Đất ở các trục đường nhựa khu trung tâm Thị trấn			370.000
8	Đất ở các ven trục đường còn lại của khu Trung tâm Thị trấn			160.000
9	Đường đi khu bốn bìa (thôn Đắk Lập, Xã Đắk Drô)	Ngã 3 Nông-Lâm	Đường vào nghĩa địa thị trấn (giáp TL 3)	120.000
10	Đất ở các khu dân cư còn lại			90.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
<b>II</b>	<b>Xã Đắc Drô</b>			
1	Đường tỉnh lộ 4	Ngã 3 Buôn OL (trường MG Họa Mi) + 200m	Ngã 3 vào TTGDTX	900.000
		Ngã 3 vào TTGDTX	Trường Nguyễn Thị Minh Khai	800.000
		Trường Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã 3 của Lâm Nghiệp 3	450.000
		Ngã 3 lâm nghiệp 3	Ngã 3 Hàm Sỏi: -100	350.000
		Ngã 3 Hàm Sỏi: -100	Ngã 3 Hàm Sỏi: +100	400.000
		Đoạn đường còn lại của tỉnh lộ 4		
2	Đường đi Buôn Choáh	Km0 (Tỉnh lộ 4)	Km0 + 100 mét	320.000
		Km0 + 100 mét	Ngã 3 buôn Ol (nhà ông Bá) + 100 mét	200.000
		Ngã 3 buôn Ol (nhà ông Bá) + 100 mét	Giáp ranh xã Buôn Choáh	100.000
3	Ngã 3 xưởng cưa (giáp TL4)	Ngã 3 xưởng cưa	Hết đường vào nhà ông Y Thịnh	200.000
4	Đường lên bãi vật liệu xưởng cưa (giáp tỉnh lộ 4)			100.000
5	Đường đi Năm Nung	Ngã 3 Hàm Sỏi	Đường dây 500 KV	200.000
		Đường dây 500 KV	Giáp ranh xã Năm Nung	170.000
6	Đường đi Bon Jang Trum	Ngã 3 tỉnh lộ 4	Ngã 3 Bon Jang Trum (đi Xã Tân Thành)	330.000
		Ngã 3 Bon Jang Trum (đi Xã Tân Thành)	Đường dây 500 KV + 300 mét	200.000
		Đường dây 500 KV	Giáp ranh xã Tân Thành	200.000
7	Đường thôn Đắc Hợp	Ngã 3 tỉnh lộ 4	Hết sân vận động Đắc Mâm	350.000
8	Ngã tư cầu bốn bìa (thôn Đắc Lập)	Ngã tư Km 0 (hướng đi thị trấn Đắc Mâm)	Ngã tư + 300 mét	200.000
		Ngã tư + 300 mét	Giáp ranh giới thị trấn Đắc Mâm	120.000
9	Đất ở các khu dân cư còn lại			70.000
<b>III</b>	<b>Xã Tân Thành</b>			
1	Đường đi Năm Nung	Km 0 (Ngã 3 trắng bò đi thôn Đắc Na, Đắc Ri)	Ngã 3 Đắc Hoa (đi Đắc Drô)	320.000
2	Đường đi Thị trấn Đắc Mâm	Km 0 (Ngã 3 trắng bò đi thôn Đắc Na, Đắc Ri)	Hướng đi Thị trấn Đắc Mâm + 200 mét	250.000
		Các đoạn còn lại trên đường nhựa		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
3	Đường đi xã Đắc Drô	Ngã 3 Đắc Hoa (đi Đắc Drô)	Giáp ranh xã Đắc Drô	160.000
4	Đường đi làng Dao (thôn Đắc Na)	Km 0 (Ngã 3 trắng bò đi thôn Đắc Na, Đắc Ri)	Km 0 +300 m	150.000
5	Đất ở các khu dân cư còn lại			60.000
<b>IV</b>	<b>Xã Buôn Choah</b>			
1	Khu trạm y tế +100 mét về hai phía			140.000
2	Đường vào xã Buôn Choah, từ ngã 3 đường tránh lũ về 3 phía, mỗi phía 100m			130.000
3	Đất ở các khu dân cư còn lại			60.000
<b>V</b>	<b>Xã Nam Đà</b>			
1	Đường tỉnh lộ 4	Ngã 5 xã Nam Đà (Hướng Cư Jút)	Ngã 5 xã Nam Đà (hướng Cư Jút) + 200m	1.450.000
		Ngã 5 xã Nam Đà (Hướng Cư Jút) + 200 mét	Ngã 3 vào Nghĩa địa Nam Đà	850.000
		Ngã 3 vào Nghĩa địa Nam Đà	Ngã 3 rẫy nhà ông Bách + 70m	460.000
		Ngã 5 Nam Đà (Hướng Đắc Mâm)	Ngã 5 Nam Đà (Hướng Đắc Mâm) +200 mét	1.450.000
		Ngã 5 Nam Đà (Hướng Đắc Mâm) +200 mét	Ngã 3 trục 9	1.000.000
		Ngã 3 trục 9	Cầu 1 (Giáp ranh giới TT. Đắc Mâm)	1.200.000
2	Đường trục chính Nam Đà	Ngã 5 tỉnh lộ 4	Hết sân vận động	800.000
		Hết Sân vận động	Cầu Ông Thái	420.000
		Cầu Ông Thái	Hết đường nhựa	200.000
		Hết đường nhựa	Cuối nhà ông Đích	110.000
3	Đường nhựa trục 9	Tiếp giáp tỉnh lộ 4	Ngã tư nhà Ông Kha	450.000
		Ngã tư nhà Ông Kha	Trường Mẫu Giáo	320.000
		Trường Mẫu Giáo	Giáp cầu An Khê	210.000
		Tiếp giáp trục 9 (Thôn Nam Trung)	Giáp cầu Đê Bô	100.000
4	Các khu dân cư trên các trục đường (1-8;10-12)			120.000
5	Đường đi trạm 35KV	Tiếp giáp tỉnh lộ 4	Hết đập tràn Đắc Mâm	160.000
6	Đường thôn Nam Hải	Thôn Nam Hải	Xã Đắc Rô	160.000
7	Đường đi Nam Xuân	Ngã 5 Nam Đà	Hết đường nhựa	450.000
		Tiếp giáp đường nhựa	Cầu Nam Xuân	240.000
8	Đường Nam Tân	Tiếp giáp cầu Nam Trung	Hết đường	120.000
9	Đất ở các khu dân cư còn lại			80.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
<b>VI</b>	<b>Xã Năm N'Đir</b>			
1	Đường tỉnh lộ 4	Ngã 4 Thôn 9	Ngã 3 Ông Quân (về hướng Đăk Drô)	550.000
		Ngã 3 nhà ông Quân (hướng đi xã Đăk Drô)	Đến hết khu dân cư thôn Quảng Hà (đầu dốc)	400.000
		Km0 (Ngã tư thôn 9)	Km0+500 mét (về hướng Đ. Xuyên)	750.000
	Đất ở các khu vực còn lại trên tỉnh lộ 4			300.000
2	Đường nối tỉnh lộ 4 với ngã tư đi Năm Nung	Km0 (Ngã tư thôn 9)	Giáp tỉnh lộ 4 (qua trụ sở UBND xã Năm N'Đir)	700.000
3	Đường vào xã Năm Nung	Km0 (ngã 4 tỉnh lộ 4)	Km 0 + 300 mét	450.000
		Km 0 + 300 mét	Ranh giới xã Năm Nung	210.000
4	Đất ở các khu dân cư còn lại			70.000
<b>VII</b>	<b>Xã Năm Nung</b>			
1	Đường trục chính xã	Giáp ranh xã Năm N'Đir	Ngã 3 Công ty LN Nam Nung (- 200m)	160.000
		Ngã 3 Công ty Lâm nghiệp Nam Nung (- 200m)	Ngã 3 Công ty Lâm nghiệp Nam Nung (+ 200m)	210.000
		Ngã 3 Công ty LN Nam Nung (+ 200m)	Cầu Đăk Viên	180.000
		Cầu Đăk Viên	Ngã 3 Nam Nung -200 mét	210.000
		Ngã 3 Nam Nung	Ngã 3 đi 3 tầng	240.000
		Ngã 3 đi 3 tầng	Giáp ranh xã Tân Thành	160.000
2	Đường Hàm sỏi	Ngã 3 UBND xã (Hướng Hàm sỏi)	Giáp ranh xã Đăk Drô	160.000
3	Đường Bon Ja Rách	Ngã 3 Nam Nung	Trường Mầm Non Hoa Pơ Lang	130.000
4	Khu vực ba tầng	Ngã 3 ông An (cộng + , trừ - 200 mét)		100.000
5	Các trục đường trong khu quy hoạch trung tâm cụm xã	Tuyến D1	Tuyến N9	150.000
		Tuyến N1		150.000
		Tuyến N8		100.000
		Tuyến N9		100.000
		Tuyến D6	Tuyến N9	120.000
		Tuyến D10	Tuyến N9	100.000
6	Đất ở các khu dân cư còn lại			70.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
<b>VIII</b>	<b>Xã Nam Xuân</b>			
1	Đường tỉnh lộ 3	Ngã 3 tỉnh lộ 3 (hướng đi Xã Đăk Sô)	Hướng đi xã Đăk Sô +100 mét	320.000
		Hướng đi xã Đăk Sô +100 mét	Đến ranh giới xã Đăk Sô	250.000
		Ngã 3 tỉnh lộ 3 (hướng đi TT Đăk Mâm )	Hướng đi TT. Đăk Mâm +100 mét	320.000
		Hướng đi TT. Đăk Mâm + 100 mét	Ranh giới Thị trấn Đăk Mâm	250.000
		Ngã 3 tỉnh lộ 3 (hướng đi Đăk Mil)	Ngã 3 Trường Nguyễn Bá Ngọc +200m	250.000
		Ngã 3 Trường Nguyễn Bá Ngọc +200 mét	Giáp ranh Huyện Đăk Mil	180.000
2	Đường đi Sơn Hà	Km 0 (Ngã 3 Trường Nguyễn Bá Ngọc)	Km 0 + 200 mét	160.000
		Km 0 + 200 mét	Ngã 3 nhà ông Sinh (thôn Nam Sơn)	100.000
3	Đường đi Đăk Hợp	Ngã 3 Tư Anh	Ngã 3 thôn Đăk Hợp	90.000
4	Đường đi suối Boong	Ngã 3 Tư Anh	Cầu suối Đăk Oi	100.000
5	Đất ở các khu dân cư còn lại			70.000
<b>IX</b>	<b>Xã Đăk Sô</b>			
1	Đường tỉnh lộ 4	Ngã 3 Gia Long (Hướng Cư Jút)	Đến hết đất ông Nguyễn Thanh Bình	550.000
		Từ hết đất ông Nguyễn Thanh Bình	Đến hết đất ông Mã Văn Chóng	400.000
		Từ hết đất ông Mã Văn Chóng	Đến hết đất ông Dương Ngọc Dinh	450.000
		Ngã 3 Gia Long (Hướng đi thị trấn Đăk Mâm)	Giáp ranh xã Nam Đà	550.000
	Đất ở các khu vực còn lại trên tỉnh lộ 4			300.000
			Ngã 3 Gia Long	Hết đất ông Phạm Văn Lâm
		Từ hết đất ông Phạm Văn Lâm	Giáp ranh giới Xã Nam Xuân	200.000
2	Các đường trục QH khu dân cư mới (Khu rừng tách cũ)			210.000
3	Khu dân cư thôn Đức Lập	Đầu đường bê tông	Đến hết đất bà Bạch Thị Hiền	90.000
4	Đất ở các khu dân cư còn lại			70.000
<b>X</b>	<b>Xã Đăk Nang</b>			
1	Tỉnh lộ 4	Ngã 4 (giáp ranh xã Đức Xuyên)	Cổng thôn Phú Cường	450.000
2	Đất ở các khu vực còn lại trên tỉnh lộ 4			260.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
3	Đất ở các khu dân cư còn lại			70.000
<b>XI</b>	<b>Xã Đức Xuyên</b>			
1	Đường tỉnh lộ 4	Mường thủy lợi (K.NT4a)	Ngã 3 vào trạm Y tế xã	650.000
2	Đất ở các khu vực còn lại trên tỉnh lộ 4			350.000
3	Đường vào trường Nguyễn Văn Bé	Ngã 3 Ông Thạnh	Hết trường Nguyễn Văn Bé	160.000
4	Đất ở các khu dân cư còn lại			70.000
<b>XII</b>	<b>Xã Quảng Phú</b>			
1	Đường tỉnh lộ 4	Giáp ranh Xã Đắc Nang	Trạm Kiểm lâm	480.000
		Trạm Kiểm lâm	Cuối thôn Phú Sơn (giáp Quảng Sơn)	300.000
2	Đường vào thôn Phú Lợi	Ngã 3 xưởng cưa Hải Sơn	Bến nước Buôn K'tăk	160.000
3	Đường nhà máy thủy điện Buôn Tua Srah	Ngã 3 đường vào thủy điện	Hết nhà ông Bảo	320.000
		Ngã 3 đường vào thủy điện	Cầu Nam Ka	320.000
		Km 0 (Ngã 3 đường vào thủy điện)	Km 0 + 100m (hướng bến nước Buôn K'tăk)	320.000
4	Đất ở các khu dân cư còn lại			70.000

### 8. Huyện Tuy Đức:

Đơn vị tính: Đồng/m<sup>2</sup>

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá	
		Từ	Đến		
<b>I</b>	<b>Xã Quảng Tân</b>				
1	Tỉnh lộ 1	Giáp ranh Thị trấn Kiến Đức	Cống nước (Hết khu dạy nghề Trường 6)	Tà luy dương	250.000
					Tà luy âm
		Cống nước (Hết khu dạy nghề Trường 6)	Hết trường cấp I Phan Bội Châu	Tà luy dương	300.000
				Tà luy âm	220.000
		Hết trường cấp I Phan Bội Châu	Ngã 3 nhà ông Hà Xuân	Tà luy dương	180.000
				Tà luy âm	150.000
		Ngã 3 nhà ông Hà Xuân	Hết đất nhà bà Thuật	Tà luy dương	250.000
				Tà luy âm	180.000
		Giáp đất nhà bà Thuật	Ngã 3 cây xăng Ngọc My +200m		300.000
		Ngã 3 cây xăng Ngọc My +200m	Hết đất nhà ông Huy		200.000
Giáp đất nhà ông Huy	Cầu Doãn Văn (giáp xã Đắc R'Tih)	Tà luy dương	200.000		
		Tà luy âm	150.000		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
2	Đường liên xã	Km 0 (ngã 3 trường 6)	Giáp đất nhà ông Thuận	300.000
		Giáp đất nhà ông Thuận	Hết đất trung tâm trường 6	200.000
		Khu trung tâm trường 6	Cổng nước nhà bà Hường	150.000
		Cổng nước nhà bà Hường	Hết đất nhà ông bảy Đình	120.000
		Giáp đất nhà ông bảy Đình	Hết đất nhà ông Vũ	100.000
		Km0 (ngã 3 cây xăng Ngọc My)	Hết đất nhà ông Vũ + Hết đất nhà Loan Hùng	150.000
		Giáp đất nhà Loan Hùng	Cầu Đắc R'Tih	100.000
		Km 0 ngã 3 nhà ông Thịnh	Đến suối Đắc R'lấp	100.000
		Giáp xã Đắc R'Tih	Giáp xã Đắc Wer	120.000
3	Các đường liên thôn còn lại			90.000
4	Đất ở của các khu dân cư còn lại			80.000
5	Đất ở khu dân cư còn lại bon Phum			50.000
<b>II</b>	<b>Xã Đắc R'Tih</b>			
1	Tỉnh lộ 1	Giáp xã Quảng Tân	Hết đất nhà bà Nguyễn Thị Lâm	120.000
		Giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Lâm	Ngã 3 hồ Doãn Văn	170.000
		Ngã 3 hồ Doãn Văn	Hết đất ông Phạm Hùng Hiệp	140.000
		Giáp đất ông Phạm Hùng Hiệp	Hết đất nhà bà Nguyễn Thị Nhàn	120.000
		Giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Nhàn	Giáp xã Quảng Tâm	140.000
2	Đường liên xã	Ngã 3 giáp Tỉnh lộ 1	Ngã 3 đi Quảng Tân (đất nhà ông Mỹ)	100.000
		Ngã 3 đi Quảng Tân (đất nhà ông Mỹ)	Đến đất nhà ông Nguyễn Xuân Tuyền	120.000
		Đến đất nhà ông Nguyễn Xuân Tuyền	Ngã 3 (đường liên xã đi nhà ông Điều K'Ré)	80.000
		Ngã 3 (đường liên xã đi nhà ông Điều K'Ré)	Hết đất nhà ông Điều An	100.000
		Giáp đất nhà ông Điều An	Giáp Trạm Y tế mới của xã	120.000
		Trạm Y tế mới của xã	Hết đất nhà ông Lê Văn Nhân	150.000
		Đất nhà ông Lê Văn Nhân	Ngã 3 đi thôn 6 (nhà ông Phạm Anh Xinh)	120.000
		Ngã 3 đi thôn 6 (nhà ông Phạm Anh Xinh)	Ngã 3 tỉnh lộ 1 (Nhà máy Cao su)	100.000
		Ngã 3 đi thôn 6 (nhà ông Phạm Anh Xinh)	Giáp đất ông Điều Phi Á (ngã 3 Tỉnh lộ 1)	80.000
Ngã 3 trung tâm xã	Cầu Đắc R'Tih (thôn 4)	150.000		



TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
		Cầu Đắc R'Tih (thôn 3)	Ngã 3 thôn 4	80.000
		Ngã 3 thôn 4	Cầu Đam Ru	100.000
		Cầu Đam Ru	Giáp xã Quảng Tân	110.000
		Ngã 3 thôn 4	Đập Đắc Liêng	100.000
3	Đường vào Trung tâm xã	Tỉnh lộ 1 (giáp nhà máy đá)	Ngã 3 thôn 4 (đối diện nhà Võ Thị Tuyết)	100.000
4	Đường liên thôn	Đập Doãn Văn	Giáp xã Quảng Tân	90.000
		Đập Doãn Văn	Giáp khu B trường 5	80.000
5	Các đường liên thôn còn lại			70.000
6	Đất ở của các khu dân cư còn lại			50.000
<b>III</b>	<b>Xã Đắc Ngo</b>			
1	Đường Trung đoàn 720	Cầu Đắc R'lấp	Ngã 3 cầu Đắc Ké	80.000
		Ngã 3 cầu Đắc Ké	Ngã 3 720 đi NT cả phê Đắc Ngo	90.000
		Ngã 3 720 đi NT cả phê Đắc Ngo	Cầu đội 3 - E 720	100.000
		Cầu đội 3 - E 720	Ngã 3 đội 8 - E 720	90.000
		Ngã 3 đội 8 - E 720	Trạm liên ngành (ngã 3 đi Đắc Nhau)	80.000
		Trạm liên ngành (ngã 3 đi Đắc Nhau)	Hết đất Trụ sở 2 Công ty Lâm nghiệp Quảng Tín	100.000
		Giáp đất Trụ sở 2 Công ty Lâm nghiệp Quảng Tín	Giáp xã Quảng Tâm	80.000
2	Đường từ cầu Đắc Nguyên đến 3 bon Đêng Đu (giáp nhà ông Điểu Lia)	Cầu Đắc Nguyên	Ngã tư Nông trường 719 (giáp nhà Thăng Sen)	80.000
		Ngã tư Nông trường 719 (giáp nhà Thăng Sen)	Cầu Đắc Loan	120.000
		Cầu Đắc Loan	Ngã 3 bon Đêng Đu (giáp nhà Điểu Lia)	90.000
3	Đường 719	Ngã 3 đi 720, 719 (gần nhà ông Sờ)	Ngã 4 (giáp nhà ông Thăng Sen)	80.000
4	Đường Philte	Ngã 3 Philte (giáp nhà ông Sự)	Hết đất nhà ông Điểu Pách	70.000
5	Đường thôn 7	Ngã 3 (giao với đường Philte)	Cầu Đắc R'lấp	70.000
		Ngã 3 (giáp nhà ông Tung Danh)	Ngã 3 gần nhà ông Rộng	80.000
6	Đường vào đội 1 E-720	Ngã 3 giao đường chính trung đoàn 720	Đi vào đội 1 (1 km)	70.000
7	Đường vào đội 4 E-720	Ngã 3 giao đường chính trung đoàn 720	Đi vào đội 4 E 720 (xóm người Mông)	70.000
8	Đường vào đội 6 E-720	Ngã 3 giao đường chính trung đoàn 720	Đi vào đội 6 E720 1 km	70.000
9	Đường vào đội 8 E-720	Ngã 3 giao đường chính trung đoàn 720	Đi vào đội 8 E 720 (đến trường học)	70.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá	
		Từ	Đến		
10	Đường vào điểm dân cư số 1 (ĐB Mông)	Ngã 3 giao đường chính trung đoàn 720	Đi vào điểm dân cư số 1 (ĐB Mông)	70.000	
11	Đất ở của các các dân cư số 1 và số 2 thuộc Dự án 1541			50.000	
12	Các đường liên thôn còn lại				
13	Đất ở của các khu dân cư còn lại				
<b>IV</b>	<b>Xã Quảng Tâm</b>				
1	Tỉnh lộ 1	Giáp xã Đắc R'Tih	Giáp đất nhà ông Điều Lom	120.000	
		Nhà ông Điều Lom	Ngã 3 đi thôn Tày, Nùng	100.000	
		Ngã 3 đi thôn Tày, Nùng	Giáp đất xưởng cưa	120.000	
		Đất xưởng cưa	Ngã 3 vào bãi 2: (-150m)	170.000	
		Ngã 3 vào bãi 2: (-150m)	Ngã 3 vào bãi 2: (+150m)	200.000	
		Ngã 3 vào bãi 2: (+150m)	Ngã 3 Trung đoàn 726 (-100 m)	140.000	
		Ngã 3 Trung đoàn 726 (-100m)	Ngã 3 Trung đoàn 726 (+100m)	160.000	
		Ngã 3 Trung đoàn 726 (+100m)	Hết đất nhà ông Cường	170.000	
		Giáp đất nhà ông Cường	Ngã 3 đường vào trường Tiểu học Lê Lợi	Tà luy âm	160.000
		Ngã 3 đường vào trường Tiểu học Lê Lợi	Hết đất Hạt quản lý đường bộ	Tà luy dương Tà luy âm	200.000 170.000
		Giáp đất Hạt quản lý đường bộ	Giáp xã Đắc Buk So		220.000
2	Đường liên xã	Km 0 (Ngã 3 bãi 2)	Km 0+200m (Đường đi Đắc Ngo)	140.000	
		Km 0+200m (Đường đi xã Đắc Ngo)	Ngã 3 thác Đắc Glung	120.000	
		Ngã 3 thác Đắc Glung	Ngã 3 thác Đắc Glung + 1Km	100.000	
		Ngã 3 thác Đắc Glung + 1Km	Giáp xã Đắc Ngo	80.000	
		Ngã 3 Trung đoàn 726	Cầu mới (Đập đội 2)	120.000	
		Cầu mới (Đập đội 2)	Hết mỏ đá	90.000	
		Giáp Mỏ đá	Giáp xã Quảng Trục	70.000	
3	Đường khu dân cư số 2	Trục đường số 3, 4		200.000	
		Trục đường số 2	Tà luy dương	150.000	
			Tà luy âm	120.000	
		Trục đường số 1	Tà luy dương	180.000	
			Tà luy âm	150.000	
		Trục đường số 5,6		150.000	
4	Tỉnh lộ 1 đi Thôn 5			80.000	

TT	Tên đường	Đoạn đường			Đơn giá
		Từ	Đến		
5	Các đường liên thôn còn lại				60.000
6	Đất ở của các khu dân cư còn lại				50.000
<b>V</b>	<b>Xã Đăk Búk So</b>				
1	Tỉnh lộ 1	Giáp xã Quảng Tâm	Hết đất nhà ông Đám	Tà luy dương	220.000
				Tà luy âm	180.000
		Giáp đất nhà ông Đám	Hết đất bà Hậu	Tà luy dương	200.000
				Tà luy âm	180.000
		Giáp đất bà Hậu	Hết đất nhà ông Long	Tà luy dương	300.000
				Tà luy âm	270.000
		Giáp đất nhà ông Long	Giáp đất Trung tâm Cao su	Tà luy dương	450.000
				Tà luy âm	400.000
		Đất trung tâm cao su	Hết đất nhà ông Trung		280.000
		Giáp đất nhà ông Trung	Hết đất nhà ông Chính	Tà luy dương	200.000
				Tà luy âm	150.000
		Giáp đất nhà ông Chính	Giáp huyện Đăk Song	Tà luy dương	150.000
				Tà luy âm	120.000
		2	Quốc lộ 14C	Ngã 3 đôn 9	Ngã 3 cây he
Ngã 3 nhà ông Thanh (Thị Thuyền)	Hết đất nhà ông Vỹ				100.000
3	Tỉnh lộ 6	Ngã 3 tỉnh lộ 1 (Nhà ông Cúc)	Cống nước nhà ông Tú		400.000
		Cống nước nhà ông Tú	Hết đất nhà ông Quyền	Tà luy dương	360.000
				Tà luy âm	260.000
		Giáp đất nhà ông Quyền	Hết đất nhà ông Thanh (Thị Thuyền)	Tà luy dương	250.000
				Tà luy âm	200.000
		Giáp đất nhà ông Thanh (Thị Thuyền)	Hết đất nhà ông Điều Tỉnh	Tà luy dương	150.000
		Tà luy âm	110.000		
		Giáp đất nhà ông Điều Tỉnh	Hết đất nhà ông Hà Niệm Long (Thôn 8)	Tà luy dương	140.000
				Tà luy âm	120.000
		Hết đất nhà ông Hà Niệm Long	Nhà ông Long thôn 6	Tà luy dương	180.000
				Tà luy âm	160.000
		Nhà ông Long thôn 6	Giáp xã Đăk Rung		120.000
4	Đường liên xã	Ngã 3 cửa hàng miền núi	Ngã 3 đường vào thôn 1		350.000
		Ngã 3 đường vào thôn 1	Hết đất ông Trìu	Tà luy dương	220.000

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá	
		Từ	Đến		
			Tà luy âm	200.000	
		Nhà ông Trìu	Đập Đắc Blung	Tà luy dương	170.000
			Tà luy âm	140.000	
		Đập Đắc Blung	Giáp xã Quảng Trực	100.000	
5	Đường vòng quanh sân bay	Ngã 3 TLô 1 (Nhà Nguyễn Thương)	Ngã 3 TLô 1 (trước nhà ông Đám)	120.000	
6	Đường nối tỉnh lộ 1 vào khu trung tâm hành chính	Ngã 3 TLô 1 (Nhà ông Cẩm)	Đầu khu QH dân cư điểm 11	150.000	
		Giáp đất nhà ông Phong	Hết đất nhà ông Cường	130.000	
7	Đường đi bệnh viện	Ngã 3 Tỉnh lộ 6 (UBND xã)	Ngã 3 Tỉnh lộ 6 Trường TH La Văn Cầu	100.000	
8	Đường liên thôn	Ngã 3 Thác Đắc Buk So	Hết đất nhà ông Nhậm	Tà luy dương	150.000
				Tà luy âm	120.000
		Đất nhà ông Nhậm	Cống nước nhà ông Hường	80.000	
		Cống nước nhà ông Hường	Giáp Đắc Song	100.000	
		Đất nhà ông Cải	Hết đất nhà ông Cường	150.000	
		Đất nhà ông Khôi	Hết đất nhà ông Mãi (Thôn 5)	130.000	
		Nhà ông Khảm	Hết nhà ông Điều Tích	150.000	
Ngã 3 TLô 1	UBND xã (qua trường Hoa Pơ Lang	120.000			
9	Các đường liên thôn còn lại			90.000	
10	Đất ở của các khu dân cư còn lại			80.000	
<b>VI</b>	<b>Xã Quảng Trực</b>				
		Ngã 3 cây he	Ngã 3 đường vào Công ty LN Nam Tây Nguyên	80.000	
		Ngã 3 đường vào Công ty LN Nam Tây Nguyên	Hết đất Trạm xá Trung đoàn 726	130.000	
1	Quốc lộ 14C	Hết đất Trạm xá Trung đoàn 726	Ngã 3 Bon Bu Njãr	150.000	
		Ngã 3 Bon Bu Njãr	Ngã 3 đường QL14c mới	110.000	
		Ngã 3 đường QL14c mới	Trạm cửa khẩu Bu Prăng	100.000	
		Ngã 3 QL14c cũ	Cầu Mới Bon Bu Ja	90.000	
		Cầu Mới Bon Bu Ja	Giáp xã Quảng Tâm	80.000	
2	Đường vào xã	Ngã 3 QL14c cũ	Bưu điện Văn hóa xã	150.000	
		Bưu điện Văn hóa xã	Ngã 3 Bon Bu Ja	80.000	
		Ngã 3 QL14c cũ	Ngã 3 Trung đoàn 726	150.000	
3	Đường liên thôn	Bưu điện Văn hóa xã vào Bon Bu Ja	Hết đất nhà ông Mai Văn Khoát (ngã 3)	100.000	

TT	Tên đường	Đoạn đường		Đơn giá
		Từ	Đến	
		Ngã 3 nhà ông Mai Văn Khoát	Nhà ông Điều Nhép (giáp QL14C mới)	90.000
		Nhà ông Mai Văn Khoát (Đường qua đập Đắc Ké)	Giáp QL 14C mới	80.000
		Ngã 3 nhà ông Đỗ Ngọc Tâm	Hết đất nhà ông Điều Lý	90.000
		Ngã 3 Trường Mầm non Hoa Lan	Giáp xã Đắc Buk So (CBB3)	90.000
4	Đường Bu Prăng	Từ đất nhà ông Trường	Nhà ông Chiên (Giáp ngã 3 QL14C mới)	80.000
5	Dự án khu dân cư Bu Prăng 1 và Bu Prăng 2			50.000
6	Đường vào Đồn 10	Ngã 3 QL 14C cũ (Nhà bà Ngân)	Hết đất đồn 10	80.000
7	Đường vào Đắc Huýt	Ngã 3 Quốc lộ 14C cũ	Giáp đập Đắc Huýt 2	80.000
8	Các đường liên thôn còn lại			60.000
9	Đất ở của các khu dân cư còn lại			50.000

### V. Một số quy định khác:

1. Đất ở của hộ gia đình, cá nhân tại nông thôn bao gồm đất để xây dựng nhà ở, xây dựng các công trình phục vụ đời sống trong cùng một thửa đất thuộc khu dân cư nông thôn theo hạn mức đất giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân để làm nhà ở tại nông thôn theo quy định của pháp luật.

2. Đất ở của hộ gia đình, cá nhân tại đô thị bao gồm đất để xây dựng nhà ở, xây dựng các công trình phục vụ đời sống thuộc quy hoạch sử dụng đất để xây dựng nhà ở tại các thị trấn, phường theo hạn mức đất ở giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân để làm nhà ở tại đô thị theo quy định của pháp luật.

3. Giá đất trong cùng một thửa đất, có mặt tiền ven các đường, trục đường giao thông tính theo chiều sâu, từ mốc giới hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng (giao thông, thủy lợi, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện, hệ thống xử lý chất thải) đến mét thứ 30 tính theo hệ số 1; từ trên 30 mét đến mét thứ 50 tính theo hệ số 0,7; từ trên 50 mét đến mét thứ 70 tính theo hệ số 0,5; từ trên 70 mét tính theo hệ số 0,3 (không áp dụng để tính tiền thuê đất).

4. Khi xác định điểm khởi đầu để xác định cự ly cho các trục đường giao nhau, thì điểm khởi đầu là điểm tiếp giáp mép đường (nếu không có vỉa hè), hay từ mép ngoài cùng của vỉa hè (nếu có vỉa hè). Trường hợp, đối với những tuyến đường đã có chỉ giới quy hoạch thì điểm khởi đầu là điểm tại chỉ giới quy hoạch tuyến đường.

5. Giá đất ở những thửa đất ở có 2 mặt tiền trở lên được tính như sau:

Nếu sử dụng làm căn cứ để:

- Tính tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất thì được tính giá đất của đường mà thửa đất đó có giá cao nhất;

- Tính thuế, tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, thì được tính giá đất của đường mà thửa đất đó đăng ký địa chỉ cụ thể (số nhà, đường phố), nếu không có địa chỉ cụ thể, thì tính giá đất của đường có công chính ra vào.

6. Trường hợp trên một trục đường trong cùng xã, phường có hai đoạn nối tiếp nhau có mức giá chênh lệch tại điểm giao nhau lớn hơn 30% thì đoạn đường có mức giá thấp được nhân hệ số 1,2 trong phạm vi tối đa không quá 50 mét tính từ vị trí giao nhau.

7. Đối với các trục đường giao nhau, nếu trục đường giá thấp có mức giá nhỏ hơn 0,3 mức giá của trục đường giá cao thì được cộng thêm một tỉ lệ như sau:

- Từ điểm giao nhau đến mét thứ 30: Cộng thêm 0,5% mức giá của các trục đường có mức giá cao.

- Từ trên 30 mét đến mét thứ 50: Cộng thêm 0,35% mức giá của trục đường có mức giá cao.

- Từ trên 50 mét đến mét thứ 70: Cộng thêm 0,25% mức giá của trục đường có mức giá cao.

- Từ trên 70 mét đến mét thứ 100: Cộng thêm 0,15% mức giá của trục đường có mức giá cao.

8. Đối với những thửa đất có ngõ riêng đi vào  $\leq 2$  mét, thì phần diện tích đất bị che khuất được nhân hệ số 0,7 mức giá thửa đất che khuất tại vị trí tiếp giáp liền kề đã được tính hệ số theo chiều sâu của thửa đất (1; 0,7; 0,5; 0,3), hoặc, đối với những thửa đất có ngõ riêng đi vào  $> 2$  mét, thì phần diện tích đất bị che khuất được tính như nêu ở điểm 3, mục V bảng giá này./.

---